

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NHTM

1.1. Cơ sở lý luận về hoạt động tín dụng của NHTM

1.1.1. Khái niệm hoạt động tín dụng của NHTM

Tín dụng là quá trình chuyển nhượng tạm thời quyền sử dụng một lượng tài sản nhất định, có thể là hàng hóa hoặc tiền bạc, từ người sở hữu sang người sử dụng trong một khoảng thời gian quy định. Khi hết hạn, người sử dụng cần phải hoàn trả cho người sở hữu với số tiền lớn hơn ban đầu. Phần giá trị tăng thêm này được gọi là lợi tức tín dụng.

- Tín dụng mang bản chất của một giao dịch tài sản có điều kiện hoàn trả và có những đặc điểm riêng.

- Trong mối quan hệ tín dụng ngân hàng, tài sản được giao dịch chủ yếu qua hai hình thức: cho vay (bằng tiền) và cho thuê (cả bất động sản lẫn động sản).

- Do nguyên tắc hoàn trả, nên khi người cho vay chuyển giao tài sản, họ cần có lý do để tin rằng người đi vay sẽ trả đúng thời hạn. Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng trong quản lý tín dụng.

- Giá trị hoàn trả thường là cao hơn giá trị lúc vay, tức là người đi vay cần trả thêm lãi bên cạnh vốn gốc.

- Trong mối quan hệ tín dụng ngân hàng, khoản vay được cấp dựa trên cam kết vô điều kiện của bên đi vay rằng họ sẽ hoàn trả cho bên cho vay khi đến hạn.

Với sự tiến bộ của xã hội và nền kinh tế, tín dụng ngày càng trở nên phong phú và phức tạp hơn. Vì vậy, các chuyên gia kinh tế đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về tín dụng. Tuy nhiên, dù được định nghĩa như thế nào, bản chất của mối quan hệ này vẫn giống nhau. Tín dụng có thể được hiểu một cách tổng quát như sau: Nó là một hệ thống quan hệ kinh tế liên quan đến việc giao dịch tài sản giữa người cho vay và người đi vay. Trong đó, người cho vay sẽ chuyển giao tài sản cho người đi vay để sử dụng trong khoảng thời gian đã thỏa thuận, và người đi vay có trách nhiệm trả lại số tiền gốc cùng với lãi suất cho người cho vay khi đến thời hạn đã cam kết.

1.1.2. Phân loại hoạt động tín dụng NHTM

❖ Căn cứ vào thời gian

Tín dụng ngắn hạn: Đây là những khoản vay có thời gian vay tối đa lên đến 12 tháng. Hình thức tín dụng này thường được áp dụng cho nhiều đối tượng khách hàng dưới dạng vay theo hạn mức hoặc vay từng lần riêng lẻ. Khách hàng thường cần có một số tài sản để đảm bảo cho khoản vay của mình.

Tín dụng trung hạn: Là các khoản vay với thời gian cho vay từ 12 đến 60 tháng. Ngân hàng thường áp dụng hình thức này để cấp vốn cho các dự án như mua sắm thiết bị, máy móc hoặc xây dựng nhà xưởng và kho bãi. Những tài sản được tạo ra từ khoản vay thường sẽ được sử dụng làm đảm bảo cho ngân hàng..

Tín dụng dài hạn: Là các khoản vay có thời gian cho vay từ 60 tháng trở lên. Ngân hàng thường cho vay tín dụng đối với các dự án quy mô lớn, chẳng hạn như đầu tư vào dây chuyền sản xuất đồng bộ hoặc xây dựng hạ tầng. Tài sản thế chấp chủ yếu là những tài sản được hình thành từ khoản vay đó.

❖ **Căn cứ vào mục đích vay**

Vay tiêu dùng những khoản vay được thiết kế để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động chi tiêu hàng ngày như mua sắm, khám bệnh, làm đẹp, đi du lịch, hay mua sắm đồ dùng cho gia đình,....

Vay sản xuất kinh doanh là các khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, bao gồm việc mua sắm thiết bị, hàng hóa, dịch vụ, chi trả lương cho nhân viên và nộp thuế.

Vay mua nhà đất là khoản vay giúp bạn có đủ tài chính để sở hữu nhà hoặc đất, phục vụ cho nhu cầu sinh sống hoặc kinh doanh. Người đi vay có thể sử dụng chính bất động sản sẽ mua làm tài sản đảm bảo.

Vay mua ô tô là khoản vay được thiết kế để hỗ trợ bạn trong việc sắm xe hơi, phục vụ cho việc đi lại, cho thuê hoặc kinh doanh (như mua đi bán lại). Người vay cũng có khả năng dùng chiếc ô tô sẽ mua làm tài sản thế chấp..

❖ **Căn cứ vào biện pháp bảo đảm**

Tín dụng có bảo đảm bằng tài sản: Là những khoản tín dụng mà khách hàng cam kết trả nợ bằng cách thế chấp tài sản của mình hoặc có sự bảo lãnh từ tài sản của bên thứ ba. Hình thức tín dụng này mang lại cho ngân hàng mức độ an toàn cao hơn và rủi ro mất vốn thấp hơn, vì ngân hàng có thể bán tài sản để thu hồi vốn nếu khách hàng không thể thanh toán đúng hạn.

Tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản: Đây là những khoản vay mà nghĩa

vụ trả nợ của khách hàng không được bảo đảm bằng tài sản cầm cố hay thế chấp, cũng như không có tài sản bảo lãnh từ bên thứ ba. Hình thức tín dụng này tiềm ẩn nhiều rủi ro cho ngân hàng, do đó, nó thường chỉ được cấp cho những khách hàng có uy tín và được ngân hàng tin tưởng, đặc biệt là những khách hàng truyền thống và chiến lược của ngân hàng.

❖ **Căn cứ vào đối tượng tín dụng**

Tín dụng vốn lưu động: Đây là hình thức tín dụng nhằm cung cấp nguồn vốn lưu động cho các doanh nghiệp hoặc cá nhân kinh tế.

Tín dụng vốn cố định: Hình thức vay này thường được cấp để phục vụ cho việc xây dựng vốn cố định của các doanh nghiệp. Tín dụng này thường được thực hiện dưới dạng vay trung hạn và dài hạn.

1.1.3. Vai trò hoạt động tín dụng NHTM

❖ **Đối với nền kinh tế**

Tín dụng ngân hàng đóng vai trò trung gian giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong quá trình luân hoàn, chu chuyển vốn của doanh nghiệp

NTTM thực hiện vai trò là cầu nối giải quyết các mâu thuẫn trong quá trình luân chuyển vốn của doanh nghiệp. Thông qua việc huy động vốn, các ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội đầu tư và hưởng lợi từ nguồn vốn nhàn rỗi. Với nguồn vốn đã huy động, ngân hàng có khả năng cung cấp tài chính cho những doanh nghiệp cần vay. Là cầu nối giữa những người có thừa vốn và những người thiếu vốn tạm thời, tín dụng ngân hàng giúp cân bằng vốn trong toàn bộ nền kinh tế, đảm bảo cho quá trình sản xuất và kinh doanh diễn ra liên tục mà không bị gián đoạn.

Tín dụng ngân hàng góp phần giải quyết mâu thuẫn giữa chu kỳ thu nhập và chu kỳ tiêu dùng

Trong giai đoạn đầu đời, con người phải trải qua quá trình học tập, đào tạo và tìm kiếm việc làm, thường không có thu nhập đáng kể nhưng lại cần chi tiêu nhiều. Khi tham gia vào thị trường lao động, họ không chỉ đủ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng mà còn có thể tiết kiệm một phần cho những nhu cầu cao hơn hoặc để dự phòng. Tín dụng ngân hàng không chỉ giải quyết vấn đề cho các cá nhân trong việc cân bằng giữa thu nhập và tiêu dùng, mà còn góp phần cải thiện đời sống của người lao động và thúc đẩy sự phát triển sản xuất.

Tín dụng ngân hàng thu hút nguồn vốn tiết kiệm và thúc đẩy quá trình tập

trung vốn, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế.

Đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn tự có hạn chế cho việc đầu tư, việc huy động vốn trực tiếp thường gặp rất nhiều điều kiện khó khăn mà không phải doanh nghiệp nào cũng có thể đáp ứng. Trong tình huống này, vốn tín dụng trở thành một nguồn tài trợ quan trọng cho nhu cầu đầu tư. Tín dụng giúp thu hút vốn tiết kiệm từ cá nhân, doanh nghiệp và nhà nước nhằm phục vụ cho mục đích đầu tư và phát triển kinh tế. Qua đó, ngân hàng đóng vai trò như cầu nối giữa việc tiết kiệm và đầu tư, giúp chuyển giao nguồn vốn tiết kiệm đến những nhu cầu đầu tư cần thiết.

Tín dụng góp phần ổn định tiền tệ, ổn định giá cả

Hệ thống tín dụng hoạt động nhằm tập trung các nguồn tiền nhàn rỗi từ cá nhân và doanh nghiệp, sau đó phân phối để đáp ứng nhu cầu sản xuất, lưu thông hàng hóa và tiêu dùng trong xã hội. Nhà nước có thể điều chỉnh lượng tiền cung ứng cho nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ phù hợp với từng giai đoạn, góp phần vào sự ổn định của tiền tệ và giá cả.

Tín dụng ngân hàng góp phần ổn định đời sống của dân cư, tạo công ăn việc làm và đảm bảo trật tự xã hội

Do tín dụng có vai trò thúc đẩy nền kinh tế phát triển, tín dụng ngân hàng giúp cải thiện cuộc sống của người dân, tạo ra công ăn việc làm và duy trì trật tự xã hội. Vai trò của tín dụng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế ngày càng trở nên quan trọng, gia tăng sản xuất hàng hóa và dịch vụ, từ đó đáp ứng nhu cầu sống của người lao động. Việc cung cấp vốn tín dụng còn giúp khai thác tối đa tiềm năng tài nguyên thiên nhiên và lực lượng lao động trong xã hội, dẫn đến việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn.

Tín dụng ngân hàng góp phần tăng cường chế độ hạch toán kinh tế của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế sử dụng vốn vay

Đặc điểm của tín dụng là người vay cần hoàn trả cả gốc lẫn lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận; nếu không sẽ phải chịu phạt theo lãi suất quá hạn hoặc các biện pháp khác. Do đó, các doanh nghiệp vay vốn cần chú ý hơn đến việc thực hiện chế độ kế toán kinh tế, giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hoàn trả khoản vay và gia tăng tích lũy cho doanh nghiệp.

❖ Đối với ngân hàng

Góp phần nâng cao thương hiệu cho ngân hàng

Với sự đa dạng trong đối tượng khách hàng, việc mở rộng tín dụng cá nhân sẽ

góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu của ngân hàng một cách mạnh mẽ. Thông qua tín dụng cá nhân, ngân hàng không chỉ đơn thuần cho vay mà còn tạo cơ hội để giới thiệu các sản phẩm dịch vụ khác như tài khoản tiết kiệm, giao dịch thanh toán, chuyển lương qua tài khoản, thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng trực tuyến. Cung cấp một gói dịch vụ tài chính cá nhân đồng bộ nhằm đáp ứng tối ưu nhu cầu của khách hàng sẽ giúp ngân hàng nổi bật hơn trong cuộc đua với đối thủ và từ đó gia tăng giá trị thương hiệu của mình.

Góp phần phân tán rủi ro cho ngân hàng

Nếu một ngân hàng chỉ chú trọng vào việc cho vay các doanh nghiệp lớn, thì khi những doanh nghiệp này gặp khó khăn trong kinh doanh và không thể trả nợ, điều đó sẽ tác động mạnh mẽ đến hoạt động của ngân hàng.

Vì vậy, để tuân theo nguyên tắc "không bỏ tất cả trứng vào một giỏ", nhiều ngân hàng đã phát triển dịch vụ tín dụng cá nhân để giảm thiểu rủi ro. Với số lượng khách hàng cá nhân đông đảo cùng với số tiền vay nhỏ, nếu chỉ một vài khách hàng gặp vấn đề không thể trả nợ thì sẽ ít ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh chung của ngân hàng.

❖ Đối với khách hàng

Cuộc sống của con người luôn đi kèm với những nhu cầu vật chất và tinh thần, và những nhu cầu này đang ngày càng phong phú và cao hơn, từ những mặt hàng thiết yếu cho đến những sản phẩm xa xỉ, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế phát triển. Tuy nhiên, việc đáp ứng những nhu cầu này lại phụ thuộc vào khả năng tài chính hiện tại của mỗi người.

Ở một mức độ nhất định, tín dụng mang đến sự linh hoạt cho khách hàng trong việc thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Thay vì phải chờ đợi để tích lũy đủ tiền, người tiêu dùng có thể khéo léo kết hợp giữa việc thỏa mãn nhu cầu ngay lúc này và khả năng thanh toán hiện tại cũng như trong tương lai. Điều này có nghĩa là họ có thể chi tiêu trước qua việc vay vốn ngân hàng và sau đó sẽ tích lũy để trả lại cho ngân hàng.

Vai trò của tín dụng rất quan trọng đối với những trường hợp cần mua sắm các sản phẩm thiết yếu có giá trị lớn như nhà ở hay xe cộ, hoặc trong những tình huống cấp bách như ốm đau, tang lễ, hay cưới hỏi. Trong những tình huống này, thay vì rơi

vào ngõ cụt hoặc phải tìm đến những khoản vay nóng với lãi suất cao, người tiêu dùng có thể yên tâm vay vốn từ ngân hàng với mức lãi suất và thời gian trả nợ hợp lý.

Hơn nữa, tín dụng cá nhân còn đóng vai trò là kênh tài trợ cho các hộ gia đình trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp họ có điều kiện mở rộng quy mô và nâng cao sức cạnh tranh. Với các điều kiện cấp tín dụng dễ dàng hơn so với khách hàng doanh nghiệp, tín dụng cá nhân rất thích hợp cho những hình thức kinh doanh nhỏ và phù hợp với cách thức và tập quán kinh doanh của nhóm đối tượng này.

1.2. Cơ sở lý luận về rủi ro tín dụng tại NHTM

1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng liên quan chặt chẽ đến hoạt động cho vay của ngân hàng, đây là nguồn thu chính của họ hiện nay và có thể gây ra thiệt hại tài chính cũng như kinh tế. Hậu quả trực tiếp là làm giảm lợi nhuận và giá trị thị trường của vốn. Trong những trường hợp nghiêm trọng, điều này có thể dẫn đến thua lỗ trong kinh doanh hoặc thậm chí là sự phá sản của ngân hàng.

Do đó, từ nhiều góc độ khác nhau, rủi ro tín dụng có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng nhìn chung, tất cả đều quy về bản chất rằng rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất kinh tế mà các tổ chức tín dụng phải chịu do khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đúng hạn.

1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng

❖ Căn cứ vào nguồn gốc của rủi ro tín dụng

Rủi ro đạo đức: là rủi ro do thông tin không đồng đều sau khi giao dịch hoàn tất. Để phục vụ lợi ích cá nhân, bên cho vay đã bỏ qua những thông tin không đáng tin cậy về khả năng trả nợ của bên đi vay, hoặc bên đi vay cố tình không tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng vay.

Rủi ro do sự lựa chọn đối nghịch: là loại rủi ro xuất hiện từ thông tin không đồng đều trước khi giao dịch diễn ra.

❖ Căn cứ vào mức độ tổn thất

Rủi ro mất vốn: Rủi ro mất vốn xảy ra khi người vay không đủ khả năng thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận, bao gồm cả số tiền gốc lẫn lãi suất. Trong trường hợp này, ngân hàng chỉ có thể dựa vào giá trị thanh lý tài sản của doanh nghiệp để thu hồi. Rủi ro này có thể làm gia tăng chi phí do nợ xấu, chi phí quản lý và giám sát tăng cao,

đồng thời còn khiến lợi nhuận giảm do phải trích lập dự phòng cho các khoản vốn bị mất.

Rủi ro động vốn: Rủi ro động vốn xảy ra khi đến thời hạn mà ngân hàng chưa thể thu hồi được khoản vay, điều này khiến cho nguồn vốn bị kẹt lại và gây tác động xấu đến hoạt động của ngân hàng.

❖ **Căn cứ theo đối tượng sử dụng**

Rủi ro khách hàng cá thể: đây là tình huống tín dụng xảy ra liên quan đến các cá nhân..

Rủi ro công ty, tổ chức kinh tế, định chế tài chính: rủi ro tín dụng xảy ra đối với tình trạng tín dụng không tốt xảy ra đối với khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc các định chế tài chính..

Rủi ro quốc gia hay khu vực địa lý: rủi ro tín dụng xuất hiện liên quan đến các hoạt động vay nợ và viện trợ trong từng quốc gia cụ thể.

❖ **Căn cứ phạm vi của rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng cá biệt: là loại rủi ro liên quan đến một khoản vay cụ thể của một khách hàng trong một lĩnh vực nhất định. Rủi ro này có thể phát sinh từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm

- Đặc điểm của ngành nghề và mô hình kinh tế mà khách hàng hoạt động.
- Tình hình tài chính hiện tại của khách hàng.
- Năng lực quản lý của khách hàng.
- Đạo đức kinh doanh của khách hàng.
- Những yếu tố khác cũng có thể ảnh hưởng...

Tóm lại, việc phân tích và nghiên cứu rủi ro cá biệt sẽ giúp ngân hàng mở rộng các hoạt động tín dụng nhằm giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

Rủi ro tín dụng hệ thống: là dạng rủi ro không chỉ xảy ra ở một ngân hàng mà còn tác động đến toàn bộ hệ thống ngân hàng. Nguyên nhân của loại rủi ro này là do sự điều chỉnh trong các chính sách như chính sách tài chính tiền tệ, chính sách thuế và chính sách xuất nhập khẩu; đồng thời, các yếu tố kinh tế vĩ mô cũng ảnh hưởng rất lớn đến rủi ro hệ thống..

❖ **Căn cứ vào giai đoạn phát sinh rủi ro**

Rủi ro trước khi cho vay, rủi ro trong khi cho vay và rủi ro sau khi cho vay.

Rủi ro trước khi cho vay: Rủi ro này xuất hiện khi ngân hàng có đánh giá sai lầm về khách hàng, dẫn đến việc cho vay cho những khách hàng không đủ điều kiện để đảm bảo khả năng chi trả trong tương lai.

Rủi ro trong khi cho vay: Rủi ro này diễn ra trong quá trình cấp tín dụng. Những yếu tố gây ra rủi ro này bao gồm:

- Việc giải ngân bị trễ so với kế hoạch.
- Thông tin về khách hàng không được cập nhật thường xuyên.
- Khó khăn trong việc dự đoán các rủi ro tiềm ẩn, như khách hàng từ chối trả nợ hoặc cung cấp thông tin không chính xác về khả năng thanh toán.

Rủi ro sau khi cho vay: Rủi ro này xuất hiện khi nhân viên tín dụng không hiểu rõ về cách mà khách hàng sử dụng số tiền vay cũng như khả năng tài chính của họ trong tương lai.

❖ **Căn cứ vào quy mô ảnh hưởng của rủi ro tín dụng đến hoạt động của ngân hàng**

Rủi ro khoản vay: Đây là loại rủi ro được xem xét cho từng khoản vay riêng biệt, sự nguy hiểm của mỗi khoản vay được phân tích độc lập và tác động thường bị hạn chế do kích thước của khoản vay.

Rủi ro danh mục: Đây là loại rủi ro được đánh giá cho một tập hợp các khoản vay có đặc điểm tương tự (khách hàng, đối tượng cho vay hoặc tính chất khoản vay...). Việc phân tích rủi ro trong danh mục rất quan trọng vì nó có thể lan rộng và liên quan đến quy mô tín dụng lớn.

1.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá rủi ro tín dụng

Để phát hiện rủi ro tín dụng, chúng ta có thể xem xét các chỉ số rõ ràng như nợ quá hạn, nợ xấu và dự phòng cho rủi ro tín dụng. Bên cạnh đó, những chỉ số không trực tiếp cũng rất quan trọng trong việc nhận diện nguy cơ đối với ngân hàng, ví dụ như quy mô tín dụng, tỷ lệ tăng trưởng của quy mô tín dụng, cấu trúc của tín dụng cùng với nhiều tiêu chí khác.

Các chỉ tiêu trực tiếp đánh giá rủi ro tín dụng: Đây là các chỉ tiêu đặc biệt quan trọng, nó phản ánh rủi ro tín dụng của ngân hàng, cụ thể:

❖ **Nợ quá hạn TD**

Nợ quá hạn là một chỉ số quan trọng để đánh giá rủi ro trong lĩnh vực tín dụng. Khi đến ngày trả nợ mà người vay không thể thanh toán được toàn bộ hoặc một phần

khoản vay, thì nợ đó sẽ trở thành nợ quá hạn. Tùy vào thời gian chậm trễ, các khoản nợ này có thể được phân loại thành nợ đủ tiêu chuẩn, nợ cần chú ý, nợ dưới tiêu chuẩn, nợ nghi ngờ, hoặc nợ có khả năng mất vốn. Nợ quá hạn thường được thể hiện qua 2 chỉ số chính:

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \text{Số dư nợ quá hạn} / \text{Tổng dư nợ}$$

Tỷ lệ khách hàng có nợ quá hạn trên tổng khách hàng có dư nợ = Số khách hàng có nợ quá hạn / Tổng số khách hàng có dư nợ

Nếu ngân hàng có chỉ tiêu nợ quá hạn và số khách hàng có nợ quá hạn lớn thì ngân hàng đó đang có mức rủi ro cao và ngược lại

❖ Nợ xấu

Nợ xấu là những khoản vay mà ngân hàng không thể thu hồi hoặc gặp khó khăn trong việc đòi lại tiền do khách hàng kinh doanh thua lỗ, phá sản, hoặc không còn khả năng chi trả. Nợ xấu phản ánh rõ ràng chất lượng tín dụng của ngân hàng thông qua việc xem xét thời gian quá hạn của khoản vay và các tiêu chí liên quan đến việc đánh giá rủi ro.

Nợ xấu được phản ánh rõ nhất qua các chỉ số:

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \text{Nợ xấu} / \text{Tổng dư nợ}$$

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu trên vốn chủ sở hữu} = \text{Nợ xấu} / \text{Vốn chủ sở hữu}$$

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu trên quỹ dự phòng tổn thất} = \text{Nợ xấu} / \text{Quỹ dự phòng tổn thất}$$

❖ Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro là công cụ đánh giá khả năng thanh toán của ngân hàng khi có sự cố xảy ra. Mục tiêu chính của việc thiết lập dự phòng rủi ro là để bù đắp cho những tổn thất liên quan đến các khoản nợ mà ngân hàng phải gánh chịu khi khách hàng không thể trả nợ vì lý do như giải thể, phá sản, qua đời, mất tích hoặc khi khoản nợ bị xếp vào nhóm 5. Nguyên tắc sử dụng dự phòng bao gồm việc ưu tiên dùng dự phòng cụ thể cho từng khoản nợ, sau đó thực hiện phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, và

chỉ khi nào việc phát mãi không đủ để thu hồi thì mới tính đến việc sử dụng dự phòng chung. Có nhiều chỉ số để phản ánh tình hình dự phòng rủi ro tín dụng.

$$\text{Ti lệ dự phòng RRTD} = \frac{\text{Dự phòng RRTD được trích lập}}{\text{Tổng dư nợ cho kỳ báo cáo}}$$

$$\text{Hệ số khả năng bù đắp các khoản cho vay bị mất} = \frac{\text{Dự phòng RRTD được trích lập}}{\text{Dư nợ bị xóa}}$$

❖ **Các chỉ tiêu gián tiếp đánh giá rủi ro tín dụng:**

Mặc dù các chỉ tiêu gián tiếp không thể hiện rõ ràng rủi ro tín dụng của ngân hàng, nhưng nếu có sự biến động lớn giữa các kỳ hoặc so với mức trung bình của toàn hệ thống ngân hàng, thì những chỉ tiêu này vẫn có thể được coi là dấu hiệu cho thấy rủi ro tín dụng đang tồn tại.

- **Quy mô tín dụng**

Quy mô tín dụng không phải là chỉ tiêu thể hiện trực tiếp rủi ro tín dụng, nhưng nếu quy mô này tăng quá nhanh mà ngân hàng không thể kiểm soát, thì nó sẽ trở thành dấu hiệu của rủi ro. Quy mô tín dụng được thể hiện rõ qua các chỉ số:

$$\text{Dư nợ trên tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng dư nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Dư nợ bình quân trên số lượng cán bộ tín dụng = $\frac{\text{Tổng dư nợ}}{\text{Tổng số cán bộ tín dụng bình quân}}$

Số lượng khách hàng trên số lượng cán bộ tín dụng = $\frac{\text{Tổng số khách hàng}}{\text{Tổng số cán bộ tín dụng bình quân}}$

Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng so với tốc độ tăng trưởng kinh tế = $\frac{\text{Tốc độ tăng trưởng tín dụng}}{\text{Tốc độ tăng trưởng kinh tế}}$

Nếu ngân hàng mở rộng quy mô tín dụng theo hướng nới lỏng tín dụng cho các khách hàng sẽ dẫn đến rủi ro là khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, không kiểm soát được mục đích sử dụng vốn vay... điều này sẽ gây rủi ro cho ngân hàng.

- **Cơ cấu tín dụng**

Cơ cấu tín dụng thể hiện sự tập trung của tín dụng trong các ngành nghề, lĩnh vực hoặc loại tiền tệ. Mặc dù không trực tiếp chỉ ra mức độ rủi ro, nhưng nếu cấu trúc tín

dụng nghiêng quá nhiều vào những lĩnh vực có tính mạo hiểm, điều này sẽ cho thấy nguy cơ tiềm ẩn về rủi ro tín dụng. Cấu trúc tín dụng được phân loại thành các nhóm dưới đây:

Cơ cấu tín dụng theo ngành: Nếu ngân hàng chỉ chú trọng cho vay vào các lĩnh vực có nguy cơ lớn, thì khả năng khách hàng không thể trả nợ cũng sẽ tăng lên. Hơn nữa, nếu tín dụng được phân bổ quá nhiều cho một ngành nghề duy nhất, thì khi ngành đó gặp khó khăn hoặc bị tác động bởi yếu tố bên ngoài, rủi ro sẽ trở nên trầm trọng hơn.

Cơ cấu tín dụng theo loại hình: cho thấy tỉ lệ tập trung theo các đối tượng là doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ vốn đầu tư nước ngoài.

Cơ cấu tín dụng theo thời hạn cho vay: Yếu tố này cần phải xem xét dựa trên cấu trúc vốn của ngân hàng. Nếu ngân hàng sở hữu một cơ cấu vốn bền vững trong thời gian dài, họ có khả năng cấp tín dụng trung và dài hạn nhiều hơn, còn nếu không thì ngược lại.

Cơ cấu tín dụng theo loại tiền tệ: Rủi ro tín dụng xảy ra khi có sự thay đổi lớn hoặc không thuận lợi về tỷ giá; khả năng nguồn vốn huy động bằng các loại tiền tệ khác nhau không đáp ứng được nhu cầu vay.

Cơ cấu tín dụng theo tài sản đảm bảo: Khi tỷ lệ cho vay có tài sản đảm bảo thấp, ngân hàng sẽ gặp rủi ro nếu khách hàng không thể thanh toán khoản nợ. Cấu trúc tín dụng dựa trên tài sản đảm bảo được thể hiện qua chỉ số tỷ lệ dư nợ có tài sản đảm bảo so với tổng dư nợ.

1.2.4. Tác động của rủi ro tín dụng đến hoạt động của ngân hàng và sự ổn định của nền kinh tế

Ngân hàng thương mại được xem như là một cầu nối tài chính, có nhiệm vụ điều chỉnh dòng tiền trong nền kinh tế. Nếu hoạt động của ngân hàng gặp rắc rối, điều này sẽ dẫn đến những tác động nghiêm trọng không chỉ cho chính ngân hàng đó mà còn cho toàn bộ hệ thống ngân hàng và ảnh hưởng lớn hơn đến sự ổn định của nền kinh tế.

❖ Tác động của rủi ro tín dụng đến hoạt động của ngân hàng:

Như đã đề cập ở trên, hoạt động cho vay là nguồn thu chính của các ngân hàng, vì thế, rủi ro tín dụng có tác động đáng kể đến hiệu quả làm việc của ngân hàng. Cụ thể, những ảnh hưởng từ rủi ro tín dụng...

- Giảm lợi nhuận của ngân hàng

Khi xảy ra rủi ro tín dụng, ngân hàng sẽ phải đối mặt với các khoản nợ khó đòi, làm cho vốn bị ứ đọng và giảm khả năng quay vòng vốn. Điều này dẫn đến việc phát sinh thêm chi phí quản lý và giám sát thu hồi nợ. Những chi phí này thường cao hơn so với nguồn thu từ việc tăng lãi suất trên các khoản nợ quá hạn, vì đây chỉ là những khoản thu nhập không thực tế, và ngân hàng gặp khó khăn trong việc thu hồi chúng. Đồng thời, ngân hàng vẫn phải trả lãi cho số tiền đã huy động, trong khi một phần tài sản lại không mang lại lãi suất hoặc không thể chuyển đổi thành tiền để cho người khác vay. Kết quả cuối cùng là lợi nhuận của ngân hàng sẽ bị giảm sút.

- Giảm khả năng thanh toán của ngân hàng

Ngân hàng thường xây dựng kế hoạch để quản lý dòng tiền ra (bao gồm việc trả lãi và gốc cho tiền gửi, cho vay, đầu tư mới...) và dòng tiền vào (như tiền gửi của khách hàng, tiền thu hồi từ nợ gốc và lãi từ khoản cho vay...) theo các thời điểm trong tương lai. Khi xảy ra các hợp đồng vay không được thanh toán đầy đủ và đúng hạn, tình trạng mất cân bằng giữa hai dòng tiền này sẽ xuất hiện. Ngân hàng vẫn cần chi trả cho các khoản tiền gửi tiết kiệm của khách hàng đúng hạn, trong khi các khoản vay lại không được hoàn trả kịp thời. Nếu ngân hàng không có giải pháp vay thêm hoặc bán tài sản của mình, khả năng thanh toán của ngân hàng sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực, điều này dẫn đến nguy cơ gặp phải rủi ro về thanh khoản.

- Giảm uy tín của ngân hàng

Việc ngân hàng liên tục gặp khó khăn trong khả năng thanh toán, hoặc thông tin về rủi ro tín dụng của họ bị phơi bày ra ngoài, sẽ gây tổn hại đến danh tiếng của ngân hàng trên thị trường tài chính. Điều này tạo cơ hội cho các đối thủ cạnh tranh khai thác để chiếm lĩnh thị trường và thu hút khách hàng.

- Phá sản ngân hàng

Nếu nhiều khách hàng vay ngân hàng gặp khó khăn trong việc trả nợ, đặc biệt là với những khoản vay lớn, điều này có thể gây ra khủng hoảng cho chính ngân hàng. Khi ngân hàng không có kế hoạch dự phòng và không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu rút tiền lớn, họ sẽ nhanh chóng mất khả năng thanh toán, dẫn đến khả năng sụp đổ ngân hàng.

❖ Tác động của rủi ro tín dụng đối với nền kinh tế

Hoạt động của ngân hàng có ảnh hưởng lớn đến toàn bộ nền kinh tế. Khi xuất

hiện rủi ro tín dụng, có thể dẫn đến sự sụp đổ của một vài ngân hàng, từ đó lây lan sang các ngân hàng khác, gây ra tình trạng khủng hoảng với việc người dân đổ xô đi rút tiền, tạo ra tâm lý hoang mang. Hệ quả là có thể xảy ra sự phá sản hàng loạt của các ngân hàng, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế. Khi ngân hàng gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp và hộ gia đình sẽ bị thiệt hại, làm giảm sút hoạt động sản xuất và đời sống sinh hoạt.

Thêm vào đó, hoạt động kinh doanh của các công ty có thể bị gián đoạn do thiếu hụt vốn, khiến người gửi tiền không thể lấy lại số tiền của mình. Những hệ lụy này sẽ làm giảm niềm tin của người dân vào sự ổn định và an toàn của hệ thống tài chính, cũng như hiệu quả của các chính sách tiền tệ mà Chính phủ đang áp dụng.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng

1.3.1. Nguyên nhân khách quan

❖ Nguyên nhân từ môi trường chính trị và pháp lý

Tình hình chính trị có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động cho vay của ngân hàng. Khi bối cảnh chính trị và xã hội thiếu ổn định, không chỉ các doanh nghiệp gặp khó khăn mà ngay cả các ngân hàng cũng lo lắng trong việc đầu tư và mở rộng kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực cho vay.

Bên cạnh đó, môi trường pháp lý rất quan trọng trong việc quản lý rủi ro tín dụng của ngân hàng. Việc xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ và chặt chẽ để điều chỉnh các hoạt động kinh tế trong nền kinh tế thị trường là điều cần thiết để đảm bảo hiệu quả của thị trường. Những quy định hợp lý sẽ hỗ trợ hoạt động an toàn cho các ngân hàng, trong khi những quy định không phù hợp có thể cản trở sự phát triển và ảnh hưởng đến mức độ an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

❖ Nguyên nhân từ môi trường kinh tế

Môi trường kinh tế thể hiện qua chu kỳ phát triển kinh tế, các chính sách vĩ mô trong từng giai đoạn và ảnh hưởng của xu hướng toàn cầu hóa.

Chu kỳ phát triển kinh tế có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngân hàng, đặc biệt là hoạt động tín dụng. Khi nền kinh tế đang trên đà tăng trưởng và ổn định, hoạt động tín dụng cũng sẽ phát triển mạnh mẽ và rủi ro giảm đi. Ngược lại, vào thời điểm nền kinh tế gặp suy thoái hoặc khủng hoảng, hoạt động tín dụng sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn và rủi ro gia tăng. Trong những giai đoạn mà tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nhiều khách hàng

có thể bị thua lỗ hoặc phá sản. Nếu ngân hàng vẫn duy trì mức tăng tín dụng cao trong bối cảnh này, nguy cơ mất nợ sẽ ngày càng lớn.

Khi môi trường kinh tế không thuận lợi, chịu tác động từ các yếu tố như thay đổi chính sách của Chính phủ, tình hình cán cân thanh toán, dòng vốn đầu tư nước ngoài, giá trị đồng tiền, lãi suất, cùng với mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp và sự phản ứng của người tiêu dùng, thì tình hình sẽ càng thêm phức tạp. Bên cạnh đó, chu kỳ hoạt động của doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng bởi các thành tựu công nghệ, mức độ cạnh tranh, chính sách của Chính phủ, cùng với những quy định mới liên quan đến quyền sở hữu, cầm cố tài sản, hoặc các quy định có thể gây nguy hiểm cho sự tồn tại của doanh nghiệp, không kể đến sự thay đổi trong sở thích và quan điểm của người tiêu dùng.

Tình hình kinh tế toàn cầu có thể tác động đến việc cho vay, chẳng hạn như sự biến động của giá vàng quốc tế, tỷ giá các ngoại tệ mạnh hoặc giá một số nguyên liệu quan trọng đang tăng cao.

Sự thay đổi về giá cả, đặc biệt là đối với hàng hóa thiết yếu và nguyên liệu đầu vào như sắt thép hay xăng dầu, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thực hiện dự án, cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty. Điều này cũng gián tiếp tác động đến hoạt động tín dụng của ngân hàng và tạo ra nguy cơ rủi ro tín dụng. Hơn nữa, những diễn biến phức tạp trên thị trường hàng hóa và thị trường xuất khẩu là những yếu tố tiềm ẩn có thể gây ra rủi ro cho hoạt động cho vay.

❖ Nguyên nhân từ phía khách hàng vay vốn:

Năng lực quản trị, điều hành của khách hàng.

Khả năng quản lý và điều hành của Ban lãnh đạo đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng hiệu quả vốn vay, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực hiện các cam kết với ngân hàng. Điều này cũng tác động không nhỏ đến công tác quản lý rủi ro tín dụng. Nhiều khách hàng đi vay thường có xu hướng chấp nhận rủi ro để mong thu được lợi nhuận cao, họ sẵn sàng áp dụng nhiều chiêu trò để đối phó với ngân hàng, chẳng hạn như cung cấp thông tin sai lệch hay mua chuộc. Một số khách hàng vay vốn lại không tính toán kỹ lưỡng, thực hiện đầu tư quá mức hoặc không lường trước được những rủi ro có thể xảy ra, dẫn đến tình trạng không có khả năng xoay sở và vượt qua khó khăn trong kinh doanh. Cũng có những trường hợp khách hàng dù kinh doanh có lãi nhưng vẫn không trả nợ đúng hạn, họ trì hoãn với hy vọng được xóa nợ và sử dụng

vốn vay lâu hơn. Việc khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích khiến cho nguồn vốn không phát huy hiệu quả trong hoạt động sản xuất, dẫn đến doanh nghiệp làm ăn kém và tăng nợ trả, bao gồm cả nợ ngân hàng. Hơn nữa, phần lớn nguyên nhân gây ra khoản cho vay kém và mất an toàn xuất phát từ việc khách hàng không còn khả năng trả nợ hoặc khả năng trả nợ đã suy giảm, điều này có thể do năng lực quản lý yếu kém; thiếu vốn hoặc tỷ lệ vốn vay quá lớn so với tổng nguồn vốn; công nghệ sản xuất lỗi thời, chất lượng sản phẩm không đáp ứng nhu cầu thị trường. Thêm vào đó, doanh nghiệp thường thiếu ý thức trong việc trả nợ, không quan tâm đến nghĩa vụ nợ ngân hàng mặc dù có khả năng tài chính.

Tình hình tài chính doanh nghiệp yếu kém, thiếu minh bạch

Khả năng tài chính của khách hàng đóng vai trò then chốt trong sự vận hành của tín dụng ngân hàng. Khi khách hàng sở hữu nguồn lực tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh diễn ra suôn sẻ và tạo dựng được lòng tin, họ có thể ứng phó với những tình huống bất ngờ bằng cách sử dụng vốn tự có, từ đó giảm thiểu tác động lên khả năng thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng.

Sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ vay

Hầu hết các công ty khi đi vay từ ngân hàng đều có kế hoạch kinh doanh rõ ràng và khả thi. Chỉ có một số ít doanh nghiệp lợi dụng vốn vay vào những mục đích sai trái hoặc cố tình lừa đảo ngân hàng để chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, những sự việc này lại nghiêm trọng và ảnh hưởng lớn đến uy tín của cán bộ, gây tác động tiêu cực đến các doanh nghiệp khác.

1.3.2. Nguyên nhân chủ quan

❖ Chính sách tín dụng của ngân hàng

Chính sách tín dụng thiếu sự rõ ràng khiến cho hoạt động cho vay trở nên sai lệch, dẫn đến việc cấp tín dụng không đúng đối tượng. Điều này tạo ra cơ hội cho những người sử dụng vốn thực hiện các hành vi vi phạm hợp đồng cũng như pháp luật của Nhà nước.

❖ Trình độ yếu kém và vi phạm đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tín dụng

Rủi ro xuất hiện khi nhân viên tín dụng không đánh giá chính xác hiệu quả của dự án vay. Nếu nhân viên tín dụng không nắm bắt rõ ràng các đặc điểm của lĩnh vực cho vay, hoặc họ cố tình cho vay dù biết dự án không khả thi, sẽ tạo ra mối đe dọa lớn cho ngân hàng.

Đạo đức của nhân viên tín dụng là yếu tố quan trọng giúp giảm thiểu rủi ro trong lĩnh vực này. Một nhân viên thiếu trình độ có thể được đào tạo thêm, nhưng nếu một người có chuyên môn giỏi nhưng đạo đức kém thì sẽ rất nguy hiểm trong công việc tín dụng.

❖ **Thiếu giám sát và quản trị rủi ro sau khi cho vay**

Khi ngân hàng cấp tín dụng, việc quản lý khoản vay cần phải được thực hiện một cách chủ động để đảm bảo khả năng hoàn trả. Ngân hàng cần theo dõi hoạt động của khách hàng vay để đảm bảo tuân thủ các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, từ đó tìm kiếm những cơ hội kinh doanh mới và mở rộng khả năng kinh doanh hơn nữa. Tuy nhiên, thời gian qua, các ngân hàng thương mại vẫn chưa thực hiện tốt công tác này.

❖ **Lãng phí trong công tác kiểm tra nội bộ các ngân hàng**

Kiểm tra nội bộ có lợi thế về mặt thời gian vì diễn ra nhanh chóng và hợp thời khi có vấn đề xảy ra, cùng với sự giám sát chặt chẽ từ người thực hiện kiểm tra. Điều này xuất phát từ việc quy trình kiểm tra thường xuyên diễn ra song hành với hoạt động kinh doanh. Thế nhưng, trong quá khứ, công tác kiểm tra nội bộ của các ngân hàng chủ yếu chỉ mang tính chất hình thức.

❖ **Sự hợp tác giữa các NHTM quá lỏng lẻo, vai trò của CIC chưa thực sự hiệu quả.**

Ngành ngân hàng là một lĩnh vực đặc trưng, nơi mà hoạt động huy động vốn để cho vay diễn ra liên tục. Điều này có nghĩa là việc vay mượn để cho vay là điều không thể thiếu. Vì vậy, rủi ro trong hoạt động tín dụng là điều khó tránh. Các ngân hàng cần hợp tác chặt chẽ với nhau để giảm thiểu rủi ro, đặc biệt khi khách hàng vay tiền từ nhiều ngân hàng khác nhau. Nếu không có sự trao đổi thông tin đầy đủ, các ngân hàng sẽ gặp khó khăn trong việc cập nhật và xử lý thông tin kịp thời.

Kết luận chương 1

Trong chương 1, tác giả đã tập trung phân tích các vấn đề cơ bản của hoạt động tín dụng và RRTD trong ngân hàng. Cụ thể là các nội dung về các khái niệm, phân loại, vai trò của hoạt động tín dụng và RRTD đối với NHTM. Một điểm quan trọng là tác giả đã đưa ra các nhân tố ảnh hưởng, dấu hiệu để nhận biết và các bản chất cơ bản của rủi ro tín dụng, trong đó hiểu được cấu trúc tín dụng và các chỉ tiêu đánh giá tín dụng nói chung và đánh giá công tác quản trị rủi ro tín dụng nói riêng. Ngoài ra, tác giả cũng phân tích được các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến hoạt động

quản trị rủi ro ở ngân hàng để là nền móng cho việc phân tích sâu hơn cùng các phương pháp so sánh, đánh giá mà tác giả sẽ phân tích chi tiết đối với quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tây Sài Gòn trong Chương 2.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI MBBANK – CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN

2.1. Tổng quan về MBBANK – Chi nhánh Tây Sài Gòn

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Tây Sài Gòn trực thuộc ngân hàng TMCP Quân Đội đi vào hoạt động ngày 31-12-2015 do ông Nguyễn Ngọc Hà làm người đại diện, đặt trụ sở chính tại số 27/2B Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn nhưng hiện nay xây dựng lại chi nhánh mới, chuyển trụ sở chính đến 246 Tô Ký, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn TP. Hồ Chí Minh.

Là một trong những chi nhánh nhỏ, bước đầu thành lập gặp nhiều khó khăn về số lượng cán bộ, nhân viên, cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, nhờ được phép kinh doanh tất cả các hoạt động liên quan đến tài chính ngân hàng với tốc độ tăng trưởng nhanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế hiện đại, MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn ngày càng hoàn thiện; mở rộng địa bàn hoạt động. Và luôn đạt được những thành tích nhất định trong những năm gần đây thông qua các hệ thống chỉ tiêu quan trọng mà chi nhánh đề ra.

- Đặc điểm về vị trí

Chi nhánh nằm ở 246 Tô Ký, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn là một trong các huyện ngoại thành có tốc độ phát triển hàng đầu thành phố. Việc nằm giữa hai huyện Củ Chi và quận 12 mang lại nhiều điều kiện thuận lợi thúc đẩy khu vực phát triển toàn huyện Hóc Môn nói chung và chi nhánh Tây Sài Gòn nói riêng.

- Đặc điểm về nhân sự

Tính đến thời điểm hiện tại, số lao động tại chi nhánh là 48 nhân viên, lao động nữ chiếm phần lớn và đang có xu hướng giảm dần. Bởi ngân hàng đang tập trung vào chuyển đổi số, tự động hóa dẫn đến tăng nhu cầu về cả số lượng và chất lượng. Do đó mà chi nhánh bắt đầu đưa ra những thay đổi trong yêu cầu về tuyển dụng nhân sự.

Nguồn nhân lực không những đòi hỏi về chuyên môn cao mà ngoại ngữ cần phải giỏi, ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin...Việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trước xu thế của nền kinh tế không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức lớn đối với công tác quản trị nhân lực.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

❖ Chức năng:

Tham gia cung cấp vốn, tín dụng, DVNH và những công việc cần thiết khác có liên quan trong lĩnh vực tài chính tiền tệ ngân hàng theo quy định của pháp luật, hỗ trợ các doanh nghiệp Quân đội và một số thành phần kinh tế khác nhằm mục tiêu phát triển, đóng góp vào các hoạt động chung của Nhà nước.

Tham gia quản lý hoạt động, kiểm tra, kiểm soát tài chính theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Tổng giám đốc.

Đảm nhận một số công việc quan trọng của HĐQT hoặc Tổng giám đốc giao.

❖ Nhiệm vụ:

MBBank hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật trong các lĩnh vực sau gồm: Huy động vốn; Cấp tín dụng; Cung ứng các DVNH như Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ; Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật như hoạt động đầu tư, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản;

Xây dựng MBBank trở thành:

- NHTM đa năng hiện đại;
- Một trong những ngân hàng TMCP hoạt động an toàn, hiệu quả, uy tín nhất;
- Ngân hàng TMCP phục vụ tốt nhất cho các doanh nghiệp Quân đội, các tổ chức và cá nhân.

2.1.3. Các hoạt động kinh doanh chính tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

MBBank cung cấp sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế, MBBank mang đến cho khách hàng những hoạt động kinh doanh như sau:

❖ Huy động vốn:

Nhận tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ của các tổ chức kinh tế và dân cư. Nhận tiền gửi tiết kiệm với nhiều hình thức phong phú và hấp dẫn: tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn bằng VNĐ cũng như ngoại tệ, tiết kiệm tích lũy, phát hành kỳ phiếu

❖ Cho vay, đầu tư

Cho vay ngắn hạn và trung, dài hạn bằng VNĐ và ngoại tệ; tài trợ xuất, nhập khẩu; chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất; đồng tài trợ và cho vay hợp vốn đối với những dự án lớn, thời gian hoàn vốn dài.

❖ Thanh toán, chuyển tiền

Phát hành, thanh toán thư tín dụng nhập khẩu, thông báo, xác nhận, thanh toán thư tín dụng nhập khẩu; nhờ thu xuất, nhập khẩu.

Chuyển tiền trong nước và quốc tế; chuyển tiền nhanh Western Union; các dịch vụ thanh toán, các dịch vụ thu hộ và chi hộ, thu và phát tiền mặt,...

❖ Thẻ và ngân hàng điện tử

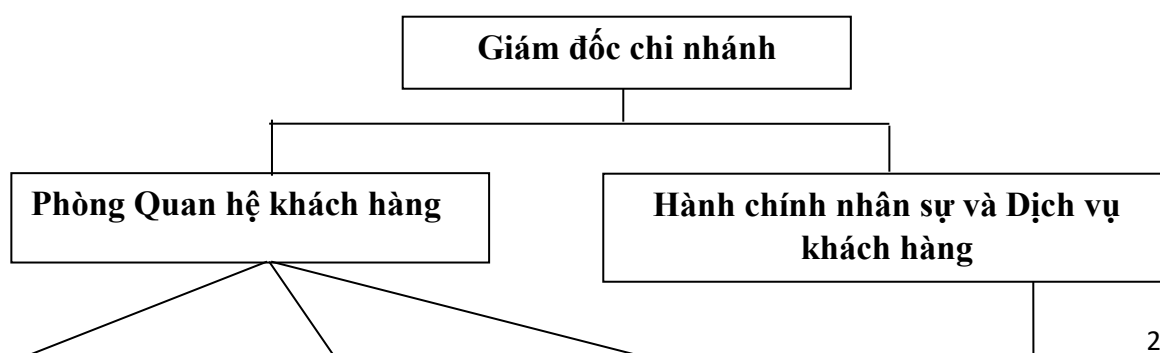
Phát hành và thanh toán thẻ tín dụng nội địa, thẻ tín dụng quốc tế (VISA, MASTER CARD...); Dịch vụ thẻ ATM, thẻ tiền mặt (Cash card); Internet Banking, Phone Banking, SMS Banking.

❖ Hoạt động khác

Khai thác bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ; kinh doanh ngoại hối, vàng bạc; hệ thống kết sắt, nhận bảo quản, cất giữ; chiết khấu thương phiếu và các loại giấy tờ có giá khác; nhận ủy thác; đại lý cho thuê tài chính; bảo lãnh; tư vấn tài chính, tín dụng cho khách hàng và các dịch vụ ngân hàng khác.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Sơ đồ 2.1.: Cơ cấu tổ chức tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn



Phòng doanh nghiệp

Phòng cá nhân

Phòng hỗ trợ

Giao dịch viên

Nguồn: MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

❖ Chức năng của từng bộ phận

Giám đốc chi nhánh: phụ trách quản lý và điều hành giám sát mọi hoạt động của chi nhánh, lập kế hoạch kinh doanh, chỉ đạo công tác tuyển dụng, hành chính, đào tạo chuyên môn cho nguồn nhân lực và cán bộ...

Phòng Khách hàng doanh nghiệp: duy trì phát triển mối quan hệ với khách hàng là bộ phận mang lại lợi nhuận chính cho ngân hàng với nhiệm vụ tư vấn và chăm sóc KHDN các dịch vụ liên quan đến tiền gửi, tín dụng, thẻ,... giải quyết hồ sơ tín dụng cho khách hàng.

Phòng Khách hàng cá nhân: gồm một trưởng phòng, phó phòng và các chuyên viên QHKH cá nhân. Là một trong những bộ phận mang lại lợi nhuận chính của ngân hàng, tư vấn và chăm sóc KHCC sử dụng các dịch vụ tiền gửi, tín dụng,... giải quyết hồ sơ tín dụng cho khách hàng.

Phòng Dịch vụ khách hàng: là bộ phận trực tiếp chăm sóc khách hàng, hỗ trợ và đề xuất các chiến lược chăm sóc nhằm thu hút làm hài lòng khách hàng, nâng cao chất lượng uy tín của ngân hàng.

Phòng hỗ trợ: có chức năng lưu trữ hồ sơ giải ngân của khách hàng, chứng từ hoạch toán,...

2.1.5. Kết quả hoạt động kinh doanh tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Bảng 2.1.: Kết quả hoạt động kinh doanh tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Năm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh			
				2022/2021		2023/2022	
				Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu	220.47	236.65	278.63	16.18	7,33	41.98	17,74
Chi phí	139.57	153.73	175.82	14.16	10,10	22.09	14,36
Lợi nhuận	53.89	59.98	75.29	6.09	11,30	15.312	25,53

Nguồn: MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Từ bảng số liệu 2.1 cho thấy thu nhập của MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn giai đoạn 2021 – 2023 liên tục tăng, cụ thể là: năm 2022 thu nhập đạt mức 236.65 tỷ đồng, tăng 16.18% so với năm 2021 tương ứng với tỷ lệ 7,33%. Tuy nhiên, sự gia tăng này là chưa đáng kể do chịu sự ảnh hưởng của dịch Covid ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu và chi nhánh đang tích cực thực hiện biện pháp tái cơ cấu gắn liền với xử lý nợ xấu, nhằm hướng tới áp dụng chuẩn mực quốc tế – Basel II chuyển nợ xấu bắt buộc với khách hàng tiềm ẩn rủi ro cao, hoàn lãi dự thu đã dự tính vào thu nhập. Nhưng đến năm 2023, nhờ liên tục mở rộng các chiến lược kinh doanh, ra mắt các dịch vụ sản phẩm mới cực hot, triển khai nhiều chính sách dịch vụ trên App MBBank như đăng ký số tài khoản trùng với số điện thoại miễn phí, chuyển tiền quốc tế online,...nhằm mang lại nhiều lợi ích và trải nghiệm tuyệt vời nhất cho khách hàng. Do đó, thu nhập của chi nhánh tăng trưởng vượt trội ở năm 2023, đạt 278.63 tỷ đồng với tốc độ tăng là 17,74%. Ngoài ra, MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn còn đặc biệt đẩy mạnh phát triển sản phẩm hiện đại và từng bước trở thành một trong những chi nhánh đi đầu trong phát triển hoạt động thanh toán. Bên cạnh đó, chi nhánh còn chú trọng đến hoạt

động đầu tư, đáp ứng nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp như: tư vấn về việc mua bán sáp nhập, tài chính doanh nghiệp...

Bằng sự cố gắng không ngừng của đội ngũ cán bộ nhân viên trong thời gian qua, MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn đã đạt được nhiều kết quả tốt trong hoạt động kinh doanh. Tương ứng với thu nhập, lợi nhuận của MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn tăng trưởng mạnh nhất trong năm 2023, cụ thể là lợi nhuận năm 2022 đạt 59.98 tỷ đồng tăng 6.09 tỷ đồng (tăng 11,30%) so với năm 2011. Qua năm 2023, nhờ tăng cường đẩy mạnh các hoạt động cung ứng dịch vụ sản phẩm tạo ra giá trị mới thu hút lượng lớn khách hàng nên thu nhập của chi nhánh tăng nhanh và kiểm soát tốt chi phí với mức tăng trưởng 14,36%, tương đương với mức tăng thu nhập do đó lợi nhuận của ngân hàng tăng 25,53% so với năm 2022 và đạt mức 75.29 tỷ đồng.

2.2. Thực trạng hoạt động tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

2.2.1. Dư nợ hoạt động tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Bảng 2.2.: Dư nợ hoạt động tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Năm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022/2021		So sánh 2023/2022	
				Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Dư nợ TD	87.29	99.57	116.11	12.28	14.06	16.54	16.61
Dư nợ HDV	448.01	497.46	609.18	49.45	11.03	111.72	22.45
Tổng dư nợ	535.3	597.03	725.29	61.73	25.09	128.26	39.06

Nguồn: MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Từ bảng 2.2, có thể thấy rằng trong giai đoạn 2021 - 2023 MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn đã làm tốt trong việc tăng trưởng dư nợ tín dụng và đem lại kết quả đáng kể trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Tính đến cuối năm 2023, tổng dư nợ của chi nhánh đạt 725.29 tỷ đồng, tăng 39.06% so với năm 2022. Trong cơ cấu TD,

hoạt động huy động vốn ở chi nhánh tăng trưởng đáng kể so với mức trung bình ngành. Điều này cho thấy MBBank ngoài việc tập trung vào hoạt động tín dụng còn có những chính sách về huy động vốn rất hiệu quả.

Do nguồn huy động vốn phải trích lập dự trữ bắt buộc, tuy nhiên với nguồn vốn dồi dào giúp cho MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn tránh được rủi ro thanh khoản khi khách hàng rút tiền đột xuất. Nhìn chung, hoạt động huy động vốn của ngân hàng có mức tăng trưởng tốt. Cũng trong năm này, MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn đưa ra các chương trình ưu đãi cho khách hàng gửi kỳ hạn dài, tăng lãi suất. Trong khi đó nhu cầu vay vốn và đầu tư trung dài hạn giảm mạnh do nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch Covid, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Nhìn chung, hoạt động huy động vốn dài hạn của chi nhánh khá ổn định, tuy nhiên cần có nhiều chính sách huy động nguồn vốn hơn phục vụ cho hoạt động cho vay nhằm khôi phục nền kinh tế trong thời gian tới.

2.2.2. Dư nợ hoạt động tín dụng phân theo thời hạn tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Bảng 2.3: Dư nợ hoạt động tín dụng theo thời hạn tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	So sánh 2022/2021		So sánh 2023/2022	
				Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Ngắn hạn	63.67	62.16	61.45	-1.51	2,37	0.71	1,14
Trung hạn	12.40	18.71	22.46	6.31	50,89	3.75	20,04
Dài hạn	11.22	18.70	32.20	7.48	66,67	13.50	72,19
Dư nợ TD	87.29	99.57	116.11	12.28	14,07	16.54	16,61

Nguồn: MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Từ bảng 2.3, có thể thấy trong giai đoạn 2021-2022, tổng dư nợ tín dụng ngắn hạn giảm 2,37%. Tuy nhiên, tín dụng trung hạn và dài hạn lại có xu hướng tăng trưởng cao, năm 2022 dư nợ tín dụng trung hạn tăng 50,89% so với 2021, tín dụng dài hạn năm 2022 tăng 66,67% so với 2021. Nhìn chung, tuy tín dụng ngắn hạn có xu hướng giảm, song giai đoạn 2021-2022 hoạt động kinh doanh của ngân hàng vẫn hiệu quả

Trong giai đoạn 2022-2023, hoạt động tín dụng ngắn hạn vẫn có xu hướng giảm 1.14%, tình hình hoạt động tín dụng trung hạn và dài hạn tăng cao, năm 2022, tín dụng trung hạn tăng 20,04% so với năm 2022, tín dụng dài hạn tăng mạnh với tỷ lệ 72,19% so với năm 2022. Có thể thấy chi nhánh đã tập trung phát triển hoạt động tín dụng trung và dài hạn và đem lại hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh.

Trong giai đoạn 2021 – 2023, MBBank luôn duy trì mức tăng trưởng tín dụng với tốc độ tương đối cao, đạt trung bình khoảng 30%. Tính đến cuối năm 2023, tổng dư nợ cho vay của chi nhánh đạt 116.31 tỷ đồng, tăng 16,61% so với năm 2022 tương đương với mức trung bình của ngành. Trong cơ cấu tín dụng, tín dụng ngắn hạn có xu hướng giảm, ngược lại tín dụng trung và dài hạn có xu hướng tăng. Điều này cho thấy MBBank dần có những thay đổi về chính sách tín dụng, tập trung lựa chọn các khoản vay có thời hạn trong điều kiện nền kinh tế đang chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid, tình

hình suy thoái, lạm phát tăng cao, đời sống và hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn

Nhìn chung, tỷ trọng cơ cấu tín dụng chi nhánh tăng trưởng không đồng đều trong giai đoạn 2021 – 2023. Cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trung bình trên 60%, bởi nó không những giúp ngân hàng quay vòng vốn nhanh mà còn tạo ra nguồn thu nhập đáng kể, đảm bảo an toàn. Vay trung hạn chiếm khoảng 17%, vay dài hạn 19% và đang có xu hướng tăng. Do nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, trong thời gian này các doanh nghiệp bắt đầu chú trọng phát triển ổn định lâu dài, tập trung vay vốn trung, dài hạn để nâng cao chất lượng sản xuất. MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn luôn tăng cường phát triển các dịch vụ ưu đãi cho vay vốn lưu động, cho vay xuất khẩu để hỗ trợ phần nào vốn cho các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, dư nợ trung và dài hạn cũng tăng đáng kể. Một trong những nguyên nhân chính là do chi nhánh sử dụng tín dụng trung và dài hạn như là một công cụ nhằm thu hút các khách hàng, thiết lập mối quan hệ lâu dài với khách hàng cũ, đồng thời tạo ra các mối quan hệ với các khách hàng mới. Khả năng cung cấp tín dụng trung, dài hạn cũng chứng tỏ khả năng cạnh tranh của chi nhánh.

Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực cố gắng của toàn thể chi nhánh mà hoạt động tín dụng tăng trưởng khá khả quan.

2.2.3. Dư nợ hoạt động tín dụng phân theo loại tiền tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Bảng 2.4: Dư nợ hoạt động tín dụng phân theo loại tiền tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Năm	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Bảng nội tệ	372.89	81,14	487.31	82,25	691.93	82,88
Bảng ngoại tệ	86.65	18,65	105.15	17,75	142.91	17,12
Tổng dư nợ TD	459.54	99.79	592.46	100	834.84	100

Nguồn: MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Từ bảng 2.4, dư nợ của Chi nhánh chủ yếu bằng VNĐ, luôn chiếm tỷ trọng trên 80%. Cho vay bằng VNĐ chiếm tỷ trọng cao như vậy là do nhu cầu vay của khách hàng, hơn nữa trong những năm gần đây thị trường ngoại tệ có nhiều biến động. Năm 2021, trước áp lực của đại dịch Covid-19 và lạm phát tăng cao kết hợp với NHNN điều chỉnh tỷ giá đã khiến tỷ giá trên thị trường có nhiều biến đổi. Trước tình hình đó, Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý chặt chẽ, làm dư nợ bằng ngoại tệ có xu hướng giảm. Tỷ giá USD/VNĐ thay đổi khiến các nhà đầu tư cũng như các doanh nghiệp thận trọng hơn trong vay bằng ngoại tệ

Việc chính phủ ra Thông tư 42, từ 1/10/2019 cho vay ngoại tệ chỉ thực hiện dưới dạng cho vay ngắn hạn, không cho vay trung dài hạn. Các nhóm khách hàng được vay ngoại tệ ngắn hạn cho vay để thanh toán tiền nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ để thực hiện sản xuất kinh doanh; cho vay đối với doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu được Bộ Công Thương giao hạn mức hàng năm; vay ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn trong nước cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; cho vay đầu tư ra nước ngoài. Việc hạn chế kì hạn và đối tượng cho vay đã làm dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ của chi nhánh có xu hướng giảm so với dư nợ tín dụng bằng nội tệ.

2.2.4. Dư nợ hoạt động tín dụng theo nhóm ngành nghề tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Bảng 2.5: Dư nợ hoạt động tín dụng theo nhóm ngành nghề tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm	Năm	Năm	So sánh 2022/2021		So sánh 2023/2022	
	2021	2022	2023	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	6,93	3,18	2,50	-3,75	54,11	-0,68	-21,38
Khai khoáng	4,31	3,71	3,86	-0,60	13,92	0,15	4,04
Công nghiệp chế biến, chế tạo	21,31	19,74	20,62	-1,57	7,36	0,88	4,46
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng	9,67	6,47	3,08	-3,2	33,10	-3,39	-52,40
Xây dựng	7,68	8,96	10,03	1,28	16,67	1,07	11,94
Hoạt động thương mại và Dịch vụ	25,97	35,09	33,50	9,12	35,12	-1,59	-4,53
Vận tải kho bãi; Thông tin và truyền thông	6,26	7,20	9,33	0,94	15,02	2,13	29,58
Hoạt động kinh doanh bất động sản	8,97	4,36	4,09	-4,61	51,39	-0,27	6,20
Hoạt động dịch vụ khác	0,56	0,21	0,43	-0,35	62,5	0,22	104,76
Hoạt động làm thuê hộ gia đình	7,23	8,94	10,54	1,71	23,65	1,6	17,89
Hoạt động phục vụ cá nhân, cộng đồng	1,02	1,94	0,86	0,92	90,20	-1,08	-55,67
Hoạt động khác	0,09	0,2	1,16	0,11	122,2	0,96	480
Tổng dư nợ	100	100	100	-1,57	-75,39	1,03	467,15

Hoạt động tín dụng của chi nhánh tập trung chủ yếu vào các nhóm ngành như Hoạt động thương mại và Dịch vụ; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng; Xây dựng. Đứng đầu trong số ngành có tỷ trọng cao nhất là hoạt động thương mại và dịch vụ, luôn chiếm khoảng 28-40% trong tổng cơ cấu. Tỷ trọng này được đánh giá phù hợp với nước đang phát triển như nước ta hiện nay.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động tín dụng nhóm kinh doanh như Khai khoáng, công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, xây dựng bị ảnh hưởng nặng nề và tập trung chủ yếu vào các nhóm ngành phục vụ cho đời sống người dân giai đoạn này. Tuy nhiên tỷ trọng vẫn tăng trưởng qua từng năm, có thể thấy chi nhánh đã làm rất tốt trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh dù trong bối cảnh suy giảm kinh tế sau đại dịch.

2.2.5. Dư nợ hoạt động tín dụng theo đối tượng khách hàng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Bảng 2.6: Dư nợ hoạt động tín dụng theo đối tượng khách hàng của MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Năm	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Chỉ tiêu						
Tín dụng tổ chức kinh tế	70.95	81,28	74.71	75,03	80.87	69,65
Tín dụng cá nhân	13.98	16,01	22.41	22,51	32.67	28,13
Tín dụng khác	2.36	2,71	2.45	2,46	2.57	2,22
Tổng dư nợ TD	87.29	100	99.57	100	116.11	100

Nguồn: MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Dư nợ TD KHCN có xu hướng tăng qua các năm, điều này giúp cho chi nhánh phân tán rủi ro, tăng cường hạn chế dư nợ tập trung vào những khách hàng doanh nghiệp dư nợ lớn. Năm 2022 TD KHCN đạt 22.41 tỷ đồng, tăng 8.43 tỷ đồng so với năm 2021; năm 2023 tăng 10.26 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 28,13% so với năm 2022. Điều này phù hợp với định hướng hoạt động tín dụng chung của chi nhánh từ năm 2021 là đẩy mạnh phát triển dư nợ mảng bán lẻ.

Dư nợ TD tổ chức kinh tế được duy trì ở mức tương đối ổn định, tuy nhiên đang có xu hướng giảm dần qua các năm 2021, 2022, 2023 với tỷ lệ lần lượt là 81,28%, 75,03%, 69,65%. Qua đó có thể thấy được dư nợ của tổ chức kinh tế có biến động, việc này tồn tại nhiều rủi ro, ảnh hưởng đến công tác thu hồi nợ của chi nhánh.

Trong bối cảnh hiện nay, khi mà sự cạnh tranh gay gắt khiến nhóm khách hàng truyền thống bị lôi kéo nhiều, vì vậy ban lãnh đạo xác định để phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập và cạnh tranh phải phát triển song song bán lẻ đi đôi với bán buôn. Với chiến lược phát triển bán lẻ, khách hàng mục tiêu của MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn hiện nay không chỉ là TCKT, doanh nghiệp lớn mà còn có khách hàng nhỏ lẻ như cá nhân, hộ gia đình. Việc thẩm định, đánh giá khách hàng dựa trên các chỉ tiêu như sau:

- Cơ sở pháp lý của khách hàng: thu thập, phân tích các thông tin liên quan đến điều kiện pháp lý của khách hàng, làm cơ sở đưa ra quyết định cấp tín dụng. Bao gồm những nội dung: trình độ kinh nghiệm về lĩnh vực kinh doanh, quan hệ xã hội,
- Tư cách của khách hàng: đánh giá về năng lực, uy tín và đạo đức của người có nhu cầu đi vay...
- Tình hình tài chính của khách hàng: đánh giá khả năng tài chính cũng như khả năng trả nợ của khách hàng dựa trên những thông tin khách hàng cung cấp và những nguồn thông tin khác. Thẩm định thông qua việc phân tích tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình sản xuất kinh doanh, bán hàng và các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh...
- Phương án, mục đích vay vốn: phân tích mục đích sử dụng vốn của khách hàng, có phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam không. Cụ thể phân tích tính phù hợp của sản phẩm vay, nhu cầu của khách hàng so với tình hình thực tế...

- Tài sản đảm bảo của khách hàng: đánh giá tài sản được dùng để bảo đảm khoản vay cho khách hàng, đòi hỏi tài sản dùng làm bảo đảm nợ vay phải tạo ra được ngân lưu...

- Hiện nay, cho vay khách hàng cá nhân tiếp tục là động lực tăng trưởng tín dụng của chi nhánh. Việc tài trợ cho TCKT, doanh nghiệp tồn tại nhiều rủi ro hơn so với KHCN. Nguyên nhân chủ yếu do việc cấp tín dụng đối với các khách hàng lớn chủ yếu dựa trên uy tín của khách hàng, tài sản bảo đảm chủ yếu là hàng tồn kho/ khoản phải thu hoặc tín chấp. Việc kiểm soát khách hàng và tài sản bảo đảm ảnh hưởng rất lớn đến công tác thu hồi nợ tại ngân hàng.

2.2.6. Dư nợ hoạt động tín dụng theo tính chất khoản vay tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Bảng 2.7: Dư nợ hoạt động tín dụng theo tính chất khoản vay tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Năm	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Cho vay tổ chức kinh tế, cá nhân	85.56	99,16	96.75	99,16	109.16	98,76
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	481	0,56	520	0,53	1.02	0,92
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	235	0,28	304	0,31	356	0,32
Tổng dư nợ TD	86.28	100	97.57	100	110.53	100

Nguồn: MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Theo tính chất khoản vay, phần lớn Chi nhánh tập trung cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân, cho vay các khoản còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể. Điều này phản ánh hoạt động tín dụng của ngân hàng đang đi đúng định hướng, phù hợp với thông lệ của hệ thống các ngân hàng mà Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối.

Nhìn chung, hoạt động cho vay tổ chức kinh tế, cá nhân luôn chiếm tỷ trọng cao hơn so với các hoạt động còn lại, việc này cho thấy chi nhánh đẩy mạnh hoạt động cho vay doanh nghiệp và cá nhân lên hàng đầu. Để giải thích cho điều này thì có thể nói đến khá nhiều nguyên nhân. Đầu tiên là về đặc điểm hoạt động của khu vực thị trường. Chi nhánh đang hoạt động tại TP.HCM – trung tâm kinh tế tài chính của Việt Nam, thu hút nhiều khách hàng và doanh nghiệp nhỏ lẻ tại địa bàn. Và yếu tố quan trọng nhất – Lợi nhuận – nguyên nhân tồn tại của mọi ngân hàng. Thông thường, ngân hàng sẽ tập trung cho vay đối với những khoản tín dụng mang lại lợi nhuận lớn sau khi loại bỏ chi phí và các khoản thiệt hại do rủi ro gây ra.

2.3. Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

2.3.1. Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Trong giai đoạn 2021 – 2023, nợ đủ tiêu chuẩn luôn chiếm tỷ trọng cao trên 90% tổng dư nợ và có xu hướng ngày càng tăng. Năm 2022, nợ đủ tiêu chuẩn đạt 93.54 tỷ đồng, chiếm 96,17%. Tỷ lệ này có giảm nhưng không đáng kể so với năm 2021, tuy nhiên đến năm 2023, nợ đủ tiêu chuẩn đạt 107.42 tỷ đồng, chiếm 97.18% tổng dư nợ. Mặc dù tỷ trọng nhóm nợ này tăng hay giảm đều không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như rủi ro tín dụng, bởi đây là khoản nợ có khả năng thu hồi đúng hạn. Nhưng qua đó, ta có thể thấy được công tác kiểm soát chất lượng tín dụng chặt chẽ.

Bảng 2.8: Cơ cấu nhóm nợ tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Năm Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Nợ nhóm 1	83.51	96,79	93.54	96,17	107.42	97,18
Nợ nhóm 2	1.12	1,30	1.28	1,32	1.38	1,25
Nợ nhóm 3	654	0,76	785	0,81	352	0,32
Nợ nhóm 4	573	0,66	605	0,62	348	0,31
Nợ nhóm 5	420	0,49	1.06	1,08	1.03	0,94
Tổng dư nợ TD	86.28	100	97.57	100	110.53	100

Nguồn: MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

❖ Nợ quá hạn trên tổng dư nợ

Nợ quá hạn bao gồm các nhóm nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5. Trong 3 năm qua, nợ quá hạn nhìn chung có chuyển biến tích cực, có xu hướng giảm xuống. Cụ thể là: giai đoạn 2021 – 2022, tỷ lệ nợ quá hạn đang ở mức báo động chiếm 3,21 – 3,83% tổng dư nợ, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn nằm trong phạm vi cho phép của NHNN ($\leq 5\%$). Đại dịch Covid đã tác động rất lớn ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và làm giảm hiệu hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. Đến năm 2023, tỷ lệ nợ đã giảm xuống còn 2,82%, cho thấy Chi nhánh đã tăng cường kiểm soát tín dụng, nâng cao chất lượng sử dụng vốn của khách hàng.

Bảng 2.9: Cơ cấu nợ quá hạn và nợ xấu của MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn*Đơn vị: Tỷ đồng, %*

Năm	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
Nợ quá hạn trên tổng dư nợ	3,21	63	3,83	60	2,82	64
Nợ xấu trên tổng dư nợ	1,91	37	2,51	40	1,57	36
Tổng dư nợ	5.12	100	6,34	100	4,39	100

*Nguồn: MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn***❖ Nợ xấu trên tổng dư nợ**

Tỷ lệ nợ xấu là một trong những chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Theo Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-NHNN, nợ xấu là các khoản nợ thuộc các nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn), nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) và nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) được quy định tại điều 6 hoặc điều 7. Nhìn chung, nợ xấu từ nhóm 3-5 luôn chiếm tỷ lệ dưới 2%, tuy nhiên giai đoạn 2021 – 2022, do ảnh hưởng nặng nề bởi Covid, lạm phát dẫn đến nền kinh tế suy giảm trầm trọng, các cá nhân, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do đó khả năng chi trả được nợ là rất thấp. Tuy nhiên, đến năm 2023 tỷ lệ này đã được kiểm soát dưới 2%, quay về mức độ tăng trưởng ổn định. Ngoài việc đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, đảm bảo tốc độ tăng trưởng lượng khách hàng và dư nợ cho vay, chi nhánh cũng đặc biệt quan tâm đến chất lượng tín dụng. Kết quả là, trong những năm qua chi nhánh đã kiểm soát tín dụng một cách chặt chẽ, có hiệu quả, luôn duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.

2.3.2. Chiến lược và chính sách quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn đã và đang áp dụng lần lượt các quyết định, nghị định của Chính phủ, NHNN, cũng như Luật các tổ chức tín dụng để làm cơ sở

trong công tác quản trị rủi ro tín dụng. Hơn nữa, để đảm bảo đưa hoạt động tín dụng Chi nhánh phát triển theo đúng định hướng đặt ra, đạt được mục tiêu an toàn hiệu quả, tăng trưởng vững mạnh và kiểm soát được rủi ro kịp thời, chi nhánh đã và đang xây dựng các chính sách và cơ sở hạ tầng theo chuẩn mực quốc tế – tiêu chuẩn Basel II. Xây dựng khung quản trị rủi ro tín dụng theo mô hình “ba vòng kiểm soát”, cho phép hoạt động quản trị rủi ro, chính sách tín dụng và thẩm định tín dụng hoạt động tách biệt nhau mà không ảnh hưởng đến công tác kiểm soát. Bên cạnh việc xây dựng khung chính sách, công cụ đo lường rủi ro tín dụng, MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn không ngừng học hỏi, đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm nhằm đáp ứng cho nhu cầu của khách hàng, tạo sự khác biệt của chi nhánh.

Chính sách quản trị rủi ro tín dụng của chi nhánh đảm bảo những nguyên tắc

- Tạo dựng môi trường quản trị rủi ro tín dụng đúng đắn, thích hợp
- Hoạt động theo cơ chế, quy trình cấp tín dụng lành mạnh
- Quy trình quản trị, đo lường và kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo kiểm soát đầy đủ rủi ro tín dụng

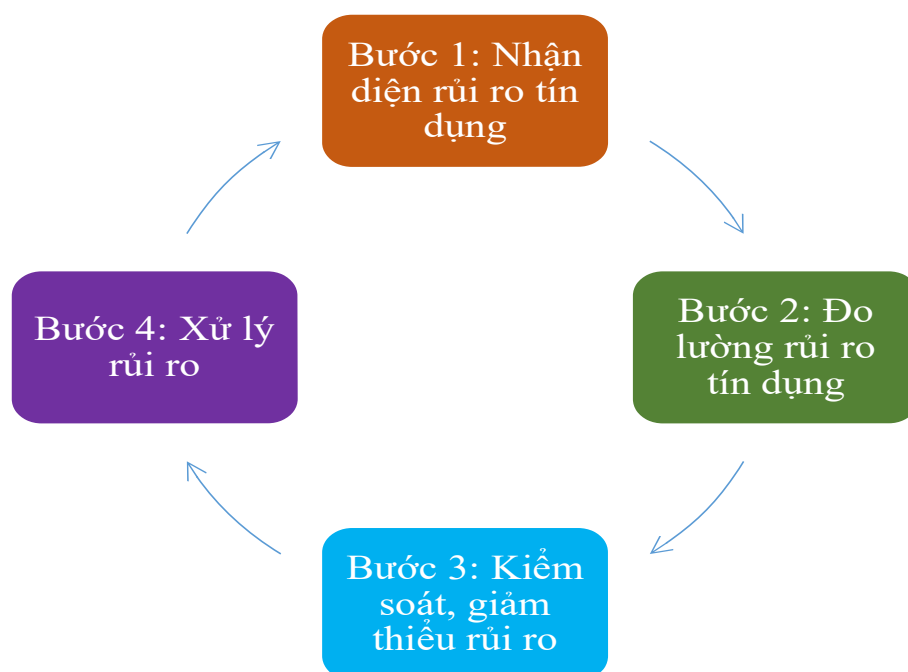
Công tác quản lý tín dụng nội bộ cũng được đặc biệt chú trọng, nâng cao chất lượng thông qua việc cho điểm và phân loại xếp hạng. Từ đó, MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn đưa ra những chính sách quản lý nội bộ khác như khống chế mức dư nợ tối đa, quy định quyền phán quyết, hỗ trợ phục vụ cho công tác quản lý rủi ro tín dụng sau này.

2.3.3. Mô hình quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Hiện nay, nhờ vào khả năng quản lý của ngân hàng cùng sự phát triển của hạ tầng và công nghệ thông tin, MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn đang áp dụng một mô hình quản trị rủi ro tín dụng phân tán. Trong mô hình này, các hoạt động quản lý rủi ro và quyền quyết định được chia đều giữa các bộ phận khác nhau. Chi nhánh đã thiết lập ba bộ phận hoàn toàn tách biệt trong cùng một phòng KHDN hoặc phòng KHCV, bao gồm Bộ phận quan hệ khách hàng, Bộ phận thẩm định tín dụng và Bộ phận hỗ trợ quan hệ khách hàng. Mặc dù các bộ phận này tách biệt, nhưng do nằm chung trong một phòng quản lý và số lượng nhân sự có hạn, việc phân chia công tác quản lý rủi ro tín dụng trở nên khó khăn.

2.3.4. Quy trình quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Sơ đồ 2.2: Quy trình quản trị rủi ro tín dụng tại MBBANK – Chi nhánh Tây Sài Gòn



Nguồn: MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Bước 1: Nhận diện rủi ro tín dụng

Khách hàng của toàn hệ thống ngân hàng nói chung và chi nhánh nói riêng rất đa dạng, mỗi khách hàng lại mang những rủi ro với mức độ khác nhau. Bởi vậy, khâu nhận diện là một trong những nội dung quan trọng, là bộ phận tất yếu trong công tác quản trị rủi ro. Vấn đề đặt ra là chi nhánh phải xác định có những loại rủi ro nào mà khách hàng có thể có trước khi cấp tín dụng thông qua các dấu hiệu tài chính và phi tài chính. Việc xem xét các dấu hiệu này, các nhà quản trị sẽ có cái nhìn tổng thể và rõ nét tình hình hoạt động của ngân hàng, thường xuyên giám sát để xác định những rủi ro nào phát sinh trong quá trình khách hàng sử dụng vốn, từ đó đưa ra phương hướng giải quyết hạn chế rủi ro, tổn thất tối thiểu cho ngân hàng.

❖ Dấu hiệu tài chính

Khả năng thanh toán: ảnh hưởng đến khả năng chi trả nợ và thanh toán lãi vay của doanh nghiệp. Độ uy tín của khách hàng sẽ giảm đi nếu mất khả năng thanh

khoản, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của doanh nghiệp, dẫn đến nghiệp vụ thu hồi vốn của ngân hàng theo đúng thời hạn hợp đồng tín dụng gặp nhiều khó khăn.

Cơ cấu tài chính: cơ cấu tài chính của doanh nghiệp cho biết cơ cấu nguồn vốn, quy mô tài sản được tài trợ từ vốn chủ sở hữu...qua đó đánh giá được mức độ phụ thuộc của doanh nghiệp. Doanh nghiệp nào có cơ cấu vốn không an toàn đều ảnh hưởng đến khả năng chi trả, hoạt động kinh doanh sản xuất không hiệu quả, khả năng sinh lời thấp.

Hiệu quả hoạt động kinh doanh: nghĩa là doanh nghiệp khai thác sử dụng tài sản, nguồn lực hợp lý và hiệu quả: hàng tồn kho, khoản phải thu, các chỉ số đòn bẩy tài chính... ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, luồng tiền phát sinh của doanh nghiệp, dẫn tới ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng.

Khả năng sinh lời: là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tình hình tài chính, mức độ hiệu quả của phương pháp vay vốn. Qua đó, ngân hàng tạo điều kiện tối đa cho khách hàng hoạt động và phát triển, đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

❖ **Dấu hiệu phi tài chính**

Bao gồm các dấu hiệu về trình độ quản lý doanh nghiệp; mối quan hệ với ngân hàng; các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp; dấu hiệu liên quan đến kỹ thuật...

Bước 2: Đo lường rủi ro tín dụng

Đo lường rủi ro là việc lượng hóa các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, từ đó phân loại rủi ro, xác định phân bù rủi ro nhằm hỗ trợ trong công tác trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

❖ **Phân tích định tính**

Áp dụng mô hình 6C: (1) Character - Tư cách người vay; (2) Capacity - Năng lực người vay; (3) Cash flow - Dòng tiền của người vay; (4) Collateral - Bảo đảm tiền vay; (5) Conditions - Các điều kiện khác; (6) Control - Kiểm soát.

Mô hình này sử dụng tương đối đơn giản, dễ dàng, tuy nhiên hạn chế của nó là phụ thuộc vào độ chính xác của nguồn thông tin thu nhập được, khả năng phân tích, đánh giá của cán bộ tín dụng.

❖ Phân tích định lượng

Các chỉ tiêu rủi ro chính

- **Nợ quá hạn và tỷ lệ nợ quá hạn**

Nợ quá hạn là một chỉ số rất quan trọng để đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức. Việc xuất hiện nợ quá hạn là điều không thể tránh khỏi, nhưng khi nó vượt qua ngưỡng cho phép, nó sẽ ảnh hưởng xấu đến khả năng chi trả của ngân hàng, và còn tác động đến tất cả các hoạt động cốt lõi của ngân hàng đó..

$$\text{Tỷ lệ quá hạn} = \text{Tổng nợ quá hạn} / \text{Tổng dư nợ} * 100$$

Đối với người đi vay, nợ quá hạn sẽ gây ảnh hưởng đến uy tín, tình hình tài chính bất khả quan do phải chịu lãi suất quá hạn cao. Đối với ngân hàng, nợ quá hạn càng tăng thì tỷ lệ nợ quá hạn càng cao, cho thấy quy mô các khoản vay có vấn đề, chất lượng cho vay khách hàng kém, đồng nghĩa với độ an toàn thấp của ngân hàng, công tác quản trị chưa tốt.

- **Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu**

Nợ xấu là được hiểu là các khoản nợ thuộc các nhóm Nợ dưới tiêu chuẩn - Nhóm 3, Nợ nghi ngờ - Nhóm 4, Nợ có khả năng mất vốn - Nhóm 5.

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \text{Tổng nợ xấu} / \text{Tổng dư nợ} * 100$$

Tỷ lệ nợ xấu thể hiện chất lượng và rủi ro danh mục cho vay của ngân hàng. Là một trong những nguyên nhân làm gia tăng rủi ro tín dụng nếu ngân hàng không thu được cả gốc và lãi của khoản vay. Chỉ tiêu này càng thấp, chất lượng của hoạt động tín

dụng càng cao, rủi ro của các khoản vay được giảm tối thiểu và ngược lại. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, tỷ lệ nợ xấu không vượt quá 2%.

- **Hiệu quả sử dụng vốn (Tỷ lệ dư nợ trên vốn huy động)**

$$\text{Hiệu quả sử dụng vốn} = \text{Tổng dư nợ} / \text{Tổng huy động vốn} * 100$$

Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng vốn của ngân hàng, cho biết ngân hàng cho vay được bao nhiêu trong tổng vốn huy động, đồng thời đánh giá khả năng huy động vốn của ngân hàng. Chỉ tiêu này nhỏ, phản ánh tình hình huy động vốn tốt, đồng thời phản ánh tình hình cho vay chưa tốt và ngược lại.

Các mô hình đánh giá

- + **Mô hình định lượng Z-score**

$$Z = 1.2X1 + 1.4X2 + 3.3X3 + 0.64X4 + 0.999X5$$

Trong đó

X1: Tỷ lệ vốn lưu động so với tổng tài sản (Working Capitals/Total Assets)

X2: Tỷ lệ lợi nhuận giữ lại so với tổng tài sản (Retain Earnings/Total Assets)

X3: Tỷ lệ lợi nhuận trước lãi vay và thuế so với tổng tài sản (EBIT/Total Assets)

X4: Giá trị thị trường của vốn chủ sở hữu so với giá trị sổ sách của tổng nợ (Market Value of Total Equity/Book Values of Total Liabilities)

X5: Tỷ số doanh số trên tổng tài sản (Sales/Total Assets)

Cách xếp loại doanh nghiệp:

2.99 < Z: Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản

1.81 < Z < 2.99: Doanh nghiệp nằm trong vùng cảnh báo, có thể có nguy cơ phá sản

$Z < 1.81$: Doanh nghiệp nằm trong vùng nguy hiểm, nguy cơ phá sản cao

Mô hình này là một ví dụ điển hình cho phương pháp đánh giá tín dụng. Từ mô hình, chúng ta có thể thấy rằng nếu trị số Z cao thì khả năng doanh nghiệp gặp rủi ro vỡ nợ sẽ thấp hơn và ngược lại. Theo mô hình điểm " Z " của Altman, bất kỳ công ty nào có điểm số Z dưới 1,81 sẽ được phân loại vào nhóm có nguy cơ tín dụng cao. Dựa trên kết luận này, ngân hàng sẽ không cấp tín dụng cho khách hàng đó cho đến khi họ cải thiện được điểm số Z lên trên 1,81.

+ **Mô hình VAR (Value at Risk)**

Var của một tài sản, doanh mục thể hiện mức độ tổn thất trong khoảng thời gian nhất định, bao gồm việc loại trừ những trường hợp xấu hiếm khi xảy ra. Mô hình này đánh giá rủi ro của tài sản, danh mục thông qua 2 tiêu chí: giá trị danh mục đầu tư và mức chịu đựng rủi ro của nhà đầu tư. Là một trong những phương pháp đo lường rủi ro được sử dụng phổ biến và đang dần trở thành một phần quan trọng của cảnh tài chính.

+ **Mô hình xếp hạng nội bộ tín dụng theo Basel II**

Mô hình này rất đơn giản và dễ sử dụng, được đánh giá qua các chỉ tiêu tài chính như bảng kết quả kinh doanh của công ty, quan hệ tín dụng ngân hàng, bao gồm tổng dư nợ, sự thay đổi dư nợ trong kỳ, khả năng trả nợ và các sự cố liên quan đến thanh toán khoản vay. Ngoài ra, còn có các chỉ tiêu phi tài chính như thời gian hoạt động của doanh nghiệp, mặt hàng sản xuất - kinh doanh và thị trường tiêu thụ. Bên cạnh việc xếp hạng và phân loại nợ, mô hình này cũng hỗ trợ cho việc quyết định cho vay, cho phép lập dự phòng và tạo ra các báo cáo theo yêu cầu quản lý. Hệ thống này giúp đo lường và xác định rủi ro tín dụng một cách đồng bộ và tập trung trong suốt quá trình cho vay và quản lý khoản vay tại chi nhánh.

Bước 3: Kiểm soát, giảm thiểu rủi ro

Hệ thống kiểm tra nội bộ của MBBank có chức năng và nhiệm vụ chính là kiểm tra việc tuân thủ các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh của các bộ phận chuyên môn, đặc biệt là hoạt động tín dụng. Công tác kiểm tra việc tuân thủ của MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn được thực hiện thường xuyên bằng nhiều hình thức kiểm tra trực tiếp định kỳ, đột xuất hoặc

theo dõi giám sát từ xa. Điều này làm nâng cao việc tuân thủ các quy định của chi nhánh, đưa ra cho ban lãnh đạo các cảnh báo từ đó đề xuất giải pháp khắc phục rủi ro kịp thời.

Đối với hoạt động kiểm soát rủi ro, các cán bộ tín dụng tiến hành các nội dung: giám sát từng khoản vay, hạn mức tín dụng, mục đích sử dụng nguồn vốn huy động, hồ sơ giải ngân... Phát triển mối quan hệ với khách hàng, qua đó thu thập các thông tin như báo cáo tài chính, báo cáo số liệu hàng tồn kho, khoản phải thu,... theo dõi chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh của khách hàng, làm cơ sở vững chắc trong cho vay và thu hồi nợ.

Bước 4: Xử lý rủi ro

Trong điều kiện thị trường nhiều biến động, khả năng rủi ro ngày càng tăng, để nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn đã hết sức nỗ lực trong việc xử lý nợ quá hạn, nợ xấu còn tồn đọng được thực hiện theo nguyên tắc nhất định và sử dụng những biện pháp phù hợp.

Xử lý rủi ro phải tuân theo những nguyên tắc như: thực hiện đúng quy định của Pháp luật; mỗi khoản vay cho phép sử dụng cùng lúc nhiều biện pháp xử lý rủi ro; nhanh chóng thu hồi vốn, lãi và các tài sản nhưng vẫn đảm bảo an toàn hiệu quả. Bên cạnh đó, cần thiết lập thành phần xử lý và chế độ làm việc của bộ phận xử lý rủi ro đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả.

❖ Một số biện pháp chi nhánh thường sử dụng xử lý rủi ro

Cơ cấu gia hạn thời gian trả nợ, chuyển nợ quá hạn, xóa nợ theo quy định của Pháp luật.

Xử lý TSDB tiền vay, nhận TSDB tiền vay để thay cho nghĩa vụ trả nợ, tự bán tài sản hoặc bán nợ cho tổ chức khác.

Khởi kiện vụ án kinh tế, dân sự, lao động và hành chính tại tòa án hoặc cơ quan để thu hồi nợ và tài sản.

Trích lập các khoản dự phòng rủi ro.

Các cán bộ tín dụng tiến hành xác định tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD theo 2 công thức sau

Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro = Dự phòng rủi ro đã trích lập/Tổng dư nợ*100

Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro = Dự phòng rủi ro đã trích lập/Tổng chi phí*100

Các tỷ lệ này càng cao chứng tỏ chất lượng tín dụng của ngân hàng chưa tốt và nguy cơ gặp rủi ro cao

2.3.5. Trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Dự phòng rủi ro giúp ngân hàng đánh giá khả năng thanh toán khi khách hàng không hoàn thành nghĩa vụ của họ. Khi ngân hàng phải sử dụng quỹ dự phòng, điều đó có nghĩa là họ đang đối mặt với nguy cơ thua lỗ vốn.

Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro/tổng dư nợ

Mặc dù tổng dư nợ của chi nhánh tăng đều qua các năm, tuy nhiên trích dự phòng rủi ro giảm dần qua các năm, do đó tỷ lệ trích dự phòng rủi ro/tổng dư nợ của MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn giảm dần qua các năm, thấp nhất là 1,56% năm 2021. Điều này thể hiện công tác quản trị rủi ro của MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn ngày càng được cải thiện, góp phần tăng hiệu quả sử dụng vốn của chi nhánh.

Bảng 2.10: Trích lập dự phòng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Đơn vị: Tỷ đồng, %

Năm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu			
Dự phòng rủi ro/tổng dư nợ	4,88	2,49	1,56
Dự phòng rủi ro/tổng chi phí	3,05	1,61	1,03

Nguồn: MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

❖ Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro/tổng chi phí

Trong giai đoạn này tỷ lệ trích dự phòng rủi ro/tổng chi phí của MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn có xu hướng giảm dần, đạt thấp nhất là 1,03% năm 2022. Khi xem

xét giữa các năm thì tỷ lệ này có sự biến đổi tăng, giảm khác nhau. Do trích dự phòng rủi ro của chi nhánh giảm dần nên tỷ lệ trích dự phòng rủi ro/tổng chi phí cũng giảm rất mạnh.

Tuy nhiên, do nhu cầu hoạt động kinh doanh, tổng nguồn vốn huy động và tổng dư nợ của chi nhánh giai đoạn 2021 – 2023 đều tăng trưởng mạnh mẽ, nhưng chi nhánh đã có sự kiểm soát và điều chỉnh hợp lý hơn đồng thời cho thấy rằng, tốc độ tăng của tổng chi phí là lớn hơn tốc độ tăng của trích dự phòng rủi ro.

2.4. Đánh giá hoạt động quản trị rủi ro tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

2.4.1. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn luôn tăng cường giám sát và hoàn thiện các quy trình về các tiêu chuẩn liên quan đến hoạt động kinh doanh, triển khai nhanh chóng và kịp thời các văn bản về quản trị rủi ro được NHNN ban hành. Đưa ra đa dạng các biện pháp nhằm nâng cao quản trị rủi ro đã được tiến hành: hệ thống tính điểm và xếp hạng doanh nghiệp chính thức được ứng dụng trong toàn hệ thống, làm cơ sở để xác định hạn mức tín dụng cũng như các chính sách cho khách hàng. Ngoài ra, chi nhánh cũng đã tiến hành áp dụng hạn mức tín dụng nhằm định hướng hoạt động quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn mực quốc tế.

Nhìn chung trong giai đoạn 2021 – 2023, doanh số cho vay và doanh số thu nợ của MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn đều tăng, tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn tuy vẫn còn ở mức cao tuy nhiên đang có xu hướng giảm dần, thu nhập từ hoạt động tín dụng cũng tăng trưởng khả quan. Hầu hết các chỉ số tài chính của chi nhánh khá đẹp, vì thế mà thị phần tín dụng không có nhiều biến động trong tình trạng khó khăn này.

Chi nhánh chú trọng vào việc đầu tư nhiều ngành nghề khác nhau nhằm phân tán rủi ro, tránh sự cạnh tranh không cần thiết của các tổ chức tín dụng trong việc giành giật thị phần, ngoài ra tránh những rủi ro từ các chính sách của Nhà nước hạn chế hoạt động của một số ngành nghề.

Về xử lý rủi ro, Chi nhánh đã áp dụng đúng đắn và hợp lý hệ thống đánh giá, kiểm soát rủi ro theo các chuẩn mực quốc tế, trích lập các khoản dự phòng đầy đủ tuân thủ theo quy định của NH NN về các chỉ số an toàn, tăng cường công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ hạn chế rủi ro xuống mức tối thiểu nhất.

Về chất lượng cán bộ tín dụng, hầu hết là những cán bộ trẻ có năng lực, nhiệt huyết, trình độ đáp ứng nhu cầu thay đổi của nền kinh tế. Tất cả cán bộ đều tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành, được đào tạo chuyên nghiệp.

Uy tín của MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn ngày càng được khẳng định trên thị trường thông qua nguồn vốn huy động và tổng dư nợ đều tăng cao. Tuy nhiên, công tác quản trị rủi ro tín dụng của chi nhánh vẫn tốt so với các ngân hàng khác, khâu thẩm định tín dụng được đặc biệt chú trọng trong giai đoạn nhạy cảm của nền kinh tế. Bên cạnh đó, việc nâng cao trình độ cũng như đạo đức của cán bộ tín dụng được thực hiện nghiêm khắc, hiệu quả.

2.4.2. Những hạn chế trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank -Chi nhánh Tây Sài Gòn

Hoạt động tín dụng tăng lên qua các năm, tuy nhiên vẫn chưa có sự phân bố đồng đều. Nguồn vốn cho vay tập trung chủ yếu ở doanh nghiệp, nguyên nhân là do trong giai đoạn khó khăn, chỉ có doanh nghiệp mới có khả năng, thậm chí không đủ để có thể vay vốn từ ngân hàng, còn cá nhân trong trạng thái lo sợ, e dè vì sợ không đủ khả năng trả nợ, nguy cơ dẫn đến phá sản. Ngoài ra, TSDB của cá nhân thường có giá trị thấp hơn và khả năng thanh khoản khó hơn so với doanh nghiệp.

Về xử lý nợ xấu còn gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp trên thực tế đã phá sản tuy nhiên chưa được công bố. Ngoài ra, việc trích lập dự phòng chỉ để bù đắp những khoản nợ xấu trong trường hợp doanh nghiệp có khả năng giải thể, phá sản nên việc chậm trễ trong thủ tục giải quyết là khó tránh khỏi, chính vì vậy gây trở ngại cho công tác xử lý nợ xấu của ngân hàng.

Việc thực hiện chính sách tín dụng chung còn tồn tại những khó khăn, chưa thật sự chặt chẽ và triệt để. Cụ thể như các chỉ đạo chủ yếu cảnh báo rủi ro hoặc hạn chế cấp tín dụng ở một số ngành nghề, đối tượng vay vốn khi gặp khó khăn hoặc khó kiểm soát mục đích sử dụng vốn và nguồn trả nợ. Chính vì vậy, việc áp dụng các vấn đề trên vào thực tế tại chi nhánh đôi khi là một vấn đề còn nan giải, chưa đúng hướng, từ đó dẫn tới lỗ hổng trong quản lý nói chung và quản trị rủi ro tín dụng nói riêng.

Công tác kiểm soát và giảm thiểu rủi ro chưa thực sự được chú trọng: Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ vẫn còn tồn tại nhiều bất cập về năng lực cũng như trình

độ của cán bộ kiểm tra. Tâm lý cả nể do đó kết quả trên các biên bản chưa phản ánh được toàn bộ tình hình tuân thủ của Chi nhánh. Chưa có chế tài nghiêm khắc cho các vấn đề chưa tuân thủ. Các phát hiện chưa đóng góp nhiều vào việc hoàn thiện quy trình của chi nhánh. Đối với hoạt động kiểm soát rủi ro tại chi nhánh, cán bộ tín dụng và các cấp quản lý chưa nắm được tầm quan trọng của công tác kiểm soát sau tín dụng, do đó chưa thôi thúc triệt để và nâng cao công tác kiểm soát sau tín dụng. Bên cạnh đó, kết quả của ban kiểm tra nội bộ chưa được sử dụng triệt để trong công tác quản trị nội bộ và quản lý khách hàng.

Việc thực hiện và giải quyết rủi ro còn chậm trễ: Mặc dù MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn đã có những chính sách phát triển dịch vụ, chính sách cạnh tranh, chính sách khách hàng toàn diện nhưng ngân hàng vẫn chưa phát huy hết thế mạnh của mình. Nói cách khác vẫn còn những hạn chế trong văn bản, quy định và thực tế phát sinh làm cho người thực hiện lúng túng như văn bản quy định chưa rõ ràng, có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau tùy vào mỗi người; chồng chéo công việc giữa các cấp phê duyệt... Điều này dẫn đến chậm trễ trong việc giải quyết các vấn đề vướng mắc và xử lý rủi ro tại chi nhánh trong khi công tác này đòi hỏi phải được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả. Công tác xử lý nợ còn gặp nhiều hạn chế liên quan đến trình độ, năng lực của cán bộ xử lý nợ tại chi nhánh và công ty quản lý nợ chưa thực sự nhạy bén.

2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

❖ *Hệ thống thanh tra, giám sát NHNN còn nhiều bất cập*

Mô hình tổ chức thanh tra, giám sát ngân hàng và hệ thống pháp luật về thanh tra giám sát ngân hàng còn nhiều bất cập so với các chuẩn mực quốc tế; nhất là so với yêu cầu điều tra giám sát dựa trên cơ sở rủi ro. Phương pháp thanh tra giám sát chưa phù hợp với chuẩn mực quốc tế, vì hoạt động này vẫn dựa trên thanh tra giám sát tuân thủ, chưa áp dụng rộng rãi thanh tra giám sát rủi ro nên hiệu quả không cao.

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng hoạt động thanh tra ngân hàng và bảo đảm an toàn hệ thống vẫn cần nâng cao chất lượng hơn nữa. Một số cán bộ thanh tra, giám sát còn thiếu kỹ năng, nhất là trong các lĩnh vực kinh doanh và công nghệ mới. Vai trò của kiểm toán vẫn chưa được phát huy đầy đủ và hệ thống thông tin chưa

được tổ chức hiệu quả. Thanh tra tại chỗ vẫn là phương pháp chính, thường chỉ xử lý các vấn đề đã xảy ra, ít có khả năng ngăn chặn hoặc phòng ngừa rủi ro và vi phạm. Chính vì vậy, nhiều sai phạm không được cảnh báo kịp thời, gây ra rủi ro và đe dọa an toàn của hệ thống.

❖ Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng chưa toàn diện

Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng chưa được thực hiện triệt để, tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu vẫn còn tăng cao.

Hạn chế của việc thiếu chiến lược khung định hướng rủi ro có thể khiến MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn không chủ động trong hoạt động kinh doanh. Hoạt động cấp tín dụng chủ yếu chỉ dựa vào lợi nhuận dự kiến hoặc tài sản bảo đảm mà không xem xét đến rủi ro, đồng thời thiếu nguyên tắc cân nhắc giữa rủi ro và lợi nhuận. Điều này có thể dẫn đến ngân hàng phải đối mặt với những vấn đề liên quan đến chất lượng tín dụng cũng như lãng phí nguồn lực khi xử lý các khoản nợ xấu.

❖ Nền tảng công nghệ thông tin chưa thực sự hiện đại

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực và thành tựu, nhưng hoạt động thanh tra ngân hàng và đảm bảo an toàn hệ thống vẫn cần nâng cao hơn về chất lượng. Một số cán bộ thanh tra, giám sát còn thiếu sót về năng lực, đặc biệt trong những lĩnh vực kinh doanh và công nghệ mới. Vai trò của kiểm toán chưa được phát huy một cách hiệu quả, và hệ thống thông tin chưa được tổ chức tốt. Phương pháp thanh tra tại chỗ vẫn là chủ yếu, thường chỉ tập trung vào việc xử lý các sự cố đã xảy ra, ít có khả năng ngăn ngừa rủi ro và vi phạm. Kết quả là, nhiều sai phạm không được cảnh báo kịp thời, dẫn đến nguy cơ gây hại cho sự an toàn của cả hệ thống

Công nghệ thông tin của ngân hàng tuy được đánh giá cao nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế. Chẳng hạn như hệ thống thông tin chưa đa chiều, giữa bộ phận cung cấp và sử dụng nguồn thông tin chưa có sự kết hợp chặt chẽ, gây cản trở cho việc xử lý thông tin.

❖ Nguồn nhân lực hạn chế cả về số lượng và chất lượng

Thực tế cho thấy, tốc độ tăng trưởng nhân sự ở mức thấp và không đảm bảo cho nhu cầu phát triển của chi nhánh. Điều này tạo ra áp lực công việc rất lớn đối với nhân

sự tại chi nhánh đặc biệt là các bộ phận tín dụng, từ đó dễ xảy ra tình trạng làm việc quá tải và không đáp ứng kịp yêu cầu công việc. Trong khi kết cấu dư nợ theo cơ cấu khách hàng tại chi nhánh lại có sự thay đổi đáng kể, dư nợ KHCN tăng mạnh trong năm 2022. Việc tăng trưởng mạnh KHCN đòi hỏi chi nhánh phải có nguồn nhân lực dồi dào vừa đảm bảo mức tăng trưởng KHCN ổn định đồng thời quản lý khách hàng chặt chẽ. Điều này phần nào chứng minh nợ quá hạn của nhóm đối tượng khách hàng này có xu hướng tăng.

Năng lực và trình độ của cán bộ tín dụng còn nhiều hạn chế: Những hạn chế này chính là nguyên nhân dẫn đến việc cho vay không hợp lý, đầu tư vào các dự án kém hiệu quả. Sự yếu kém trong khâu thẩm định và quyết định cho vay, cũng như trong việc phân tích và đánh giá khách hàng, đã gây ra những sai lầm trong đầu tư và tăng rủi ro tín dụng. Hơn nữa, khả năng phân tích các dự án lớn có thời gian đầu tư dài của cán bộ tín dụng cũng không đủ mạnh, điều này đòi hỏi họ phải có kỹ năng đánh giá và dự báo tốt với nhiều yếu tố và chỉ tiêu kinh tế xã hội liên quan đến tính khả thi của dự án.

Vấn đề đạo đức của cán bộ tín dụng: Đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tín dụng cần được chú trọng, vì đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến rủi ro tín dụng, với tác động rất lớn.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, tác giả phân tích thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn, ta thấy được MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn đã áp dụng tốt các biện pháp quản trị rủi ro, áp dụng tốt các chính sách và quy định của NHNN nói chung và của MBank nói riêng. Chi nhánh đã không ngừng nâng cao tiềm năng, chọn lựa khách hàng và tiến hành thẩm định, thực hiện tốt quy trình cho vay và kết quả đạt được rất khả quan trong thời gian qua. Qua đó, bài báo cáo cũng đã chỉ rõ kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân đây sẽ là những cơ sở quan trọng để có thể đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI MBBANK - CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN

3.1. Định hướng hoạt động tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

3.1.1. Định hướng chung trong hoạt động tín dụng tại MBBank – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều rủi ro và thách thức do đại dịch Covid-19, công tác quản trị rủi ro tại Chi nhánh đã có bước chuyển mình mạnh mẽ tập trung hướng tới mục tiêu xây dựng nền tảng quản trị rủi ro vững chắc, hiện đại, tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, đáp ứng được các điều kiện kinh doanh tổng thể của MBBank. MBBank đưa ra một số định hướng cụ thể của chi nhánh trong giai đoạn này

Thực hiện đồng bộ hàng loạt và có hiệu quả các giải pháp huy động vốn, cân đối được giữa nguồn vốn và sử dụng vốn, tối đa hóa lợi nhuận kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc thanh khoản.

Tăng trưởng tín dụng trên nguyên tắc chọn lọc, an toàn và hiệu quả, kiểm soát chất lượng tín dụng đảm bảo hạn mức tín dụng hợp lý đồng thời kiểm soát tỷ lệ nợ xấu.

Tăng cường rà soát và tái cấu trúc các danh mục đầu tư; Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn, tăng số lượng dịch vụ và giảm cho vay trung, dài hạn nhưng vẫn đảm bảo được cơ cấu chung của toàn hệ thống. Nâng cao hiệu quả quản lý các khoản đầu tư tại ngân hàng nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng, tăng mức độ đóng góp vào hoạt động đầu tư vào kết quả kinh doanh của chi nhánh.

Từng bước vận dụng các chuẩn mực quốc tế, bắt tay vào triển khai Basel III với nhiều tiêu chí khắc khe hơn. Bởi Basel III chủ yếu nhằm bổ sung, khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong Basel II, chủ yếu là về quản trị thanh khoản, giúp ngân hàng đứng vững trước những rủi ro và giảm thiểu tổn thất xuống mức thấp nhất. Bên cạnh các hiệp ước Basel, ngân hàng cũng đang hướng tới áp dụng chuẩn mực quốc tế khác như Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế IFRS. Đây là cơ sở để đưa ra những biện

pháp phòng ngừa và đối phó với những rủi ro về tài chính, nâng cao văn hóa rủi ro của toàn hệ thống và mở ra cơ hội tiếp cận với thị trường quốc tế.

Hoàn thiện bộ máy quản trị rủi ro thông qua tăng cường hiệu quả hoạt động của các cấp trong bộ máy cũng như trong các bộ phận khác. Trang bị tối ưu cho bộ máy kiểm tra, nâng cao năng lực kiểm toán nhằm đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ tại các bộ phận.

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro bằng việc thực hiện hàng loạt các giải pháp, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc hoàn tất các mô hình đo lường, quản trị rủi ro tín dụng; xây dựng các chính sách và công cụ quản trị rủi ro thống nhất hoàn chỉnh, tiên tiến hiện đại.

Đảm bảo các hệ số an toàn theo quy định của NHNN và áp dụng theo chuẩn mực quốc tế.

3.1.2. Định hướng trong quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

Cùng với việc phát triển hoạt động tín dụng thì trong giai đoạn 2021 – 2023, MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn cũng đưa ra các định hướng phát triển rủi ro tín dụng. Cụ thể là:

Các chính sách, cơ chế trong quản trị rủi ro tín dụng đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, đảm bảo độ an toàn trong hoạt động tín dụng.

MBBank cần tăng cường giám sát chất lượng, nhanh chóng phát hiện rủi ro và đưa ra những giải pháp ngăn chặn kịp thời.

Triển khai linh hoạt hàng loạt các biện pháp xử lý và thu hồi nợ hợp lý. Tăng cường thu hồi các khoản nợ xấu, đẩy mạnh thu hồi lãi treo, lãi phạt, phí dịch vụ, đặc biệt chú ý không để tình trạng sai sót, bỏ sót...

Tích cực trích lập dự phòng đảm bảo nguồn tài chính cần có khi tổn thất xảy ra. Đưa ra dự phòng về các khoản nợ xấu hay rủi ro mà chi nhánh có thể gặp phải, từ đó giúp ngân hàng đánh giá hồ sơ khách hàng, hạn chế được rủi ro.

Áp dụng mô hình quản trị tiên tiến và chiến lược phù hợp với trình độ phát triển của chi nhánh, nguồn vốn, nhân lực và đặc biệt tuân thủ theo tiêu chuẩn Basel II dưới sự chỉ dẫn của NHNN.

Ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại đồng thời tăng cường nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ nhân viên nói chung và bộ phận công tác quản trị rủi ro tín dụng nói riêng.

3.2. Giải pháp nâng cao quản trị rủi ro tín dụng tại MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn

3.2.1. Nâng cao vai trò kiểm soát nội bộ Ngân hàng

Trong lĩnh vực tín dụng, việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ là điều vô cùng quan trọng, vì nó giúp phát hiện, ngăn chặn và sửa chữa các lỗi trong quá trình thực hiện nghiệp vụ tín dụng. Đồng thời, kiểm soát còn giúp phát hiện và ngăn chặn các rủi ro đạo đức do nhân viên tín dụng gây ra.

Cần tăng cường bổ sung những cán bộ có chuyên môn đã được đào tạo về nghiệp vụ tín dụng cho phòng kiểm soát. Trong quá trình kiểm tra hoạt động tín dụng, có thể cử cán bộ từ bộ phận tín dụng hoặc thẩm định tham gia phối hợp để tiến hành kiểm tra hiệu quả hơn. Cần thường xuyên tổ chức đào tạo để nâng cao kiến thức nghiệp vụ, pháp luật cho đội ngũ cán bộ trong phòng kiểm soát.

Cần quy định rõ ràng trách nhiệm đối với các cán bộ kiểm soát, đồng thời thiết lập chế độ khen thưởng và xử phạt cụ thể nhằm nâng cao trách nhiệm trong công tác kiểm soát. Luôn cần cải tiến và đổi mới phương pháp kiểm tra, áp dụng linh hoạt các biện pháp phù hợp với từng thời điểm, đối tượng và mục tiêu của việc kiểm tra..

3.2.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Trong các hoạt động kinh doanh của ngân hàng có thể nói công tác tín dụng là công việc phức tạp nhất. Các bản báo cáo thể hiện sự đánh giá chủ quan của cán bộ ngân hàng về năng lực tài chính, hiệu quả kinh doanh và khả năng thanh toán nợ của khách hàng. Do đó, nhân viên phải có trình độ chuyên môn cao, am hiểu và thông thạo công việc này. Để nâng cao chất lượng tín dụng và tối thiểu rủi ro tín dụng cần chú trọng tới việc tăng cường đào tạo chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên tín dụng. Cụ thể là:

❖ Phân bổ công việc đủ và hợp lý

MBbank - Chi nhánh Tây Sài Gòn cần tổ chức và phân bổ công việc một cách hợp lý cho đội ngũ cán bộ tín dụng, nhằm tránh tình trạng quá tải và bảo đảm chất lượng công việc. Điều này sẽ giúp cán bộ có đủ thời gian để nghiên cứu, thẩm định và giám sát các khoản vay một cách hiệu quả hơn. Ngoài ra, việc luân chuyển quản lý khách hàng cũng rất quan trọng để giảm thiểu tiêu cực từ những mối quan hệ lâu dài, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ tiếp cận với nhiều khách hàng khác nhau, giúp công việc được xử lý nhanh chóng hơn, giảm bớt sức ò và mang lại niềm vui trong công việc cho cán bộ tín dụng..

❖ Nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp

Tăng cường mở các lớp học đào tạo, bồi dưỡng định kỳ để trang bị cho cán bộ nhân viên những kiến thức mới về nền kinh tế nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng.

Khuyến khích tinh thần tự giác, nâng cao trình độ năng lực của bản thân bằng cách tự học hỏi. Bên cạnh đó, chi nhánh có thể tạo mọi điều kiện để hỗ trợ các cán bộ nhân viên một cách tối ưu nhất như hỗ trợ về thời gian cũng như chi phí để bổ sung kiến thức về chuyên môn, nâng cao kỹ năng về công nghệ.

Thường xuyên kiểm tra và đánh giá trình độ của từng cán bộ nhân viên để lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hoặc cũng có thể chuyển sang làm việc ở một bộ phận khác thích hợp hơn.

Xây dựng chế độ lương, thưởng và kỷ luật minh bạch, rõ ràng dựa trên chất lượng tín dụng và hiệu quả làm việc của cán bộ thực hiện một cách nghiêm túc và triệt để. Từ đó nâng cao tinh thần tự giác chịu trách nhiệm trong quyết định tín dụng của cán bộ.

3.2.3. Nâng cao hệ thống công nghệ ngân hàng và thông tin tín dụng

❖ Hiện đại hóa công nghệ

Vấn đề hiện đại hoá công nghệ là cơ sở cho hoạt động của ngân hàng hiện đại. Mặc dù chi nhánh luôn chú trọng đến công nghệ tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Vì vậy, ngân hàng cần triển khai đa dạng các phần mềm, ứng dụng với nhiều chức

năng khác nhau trong giao dịch trực tuyến, tạo nên nhiều sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, vấn đề thiết yếu khác là chi nhánh cần hoàn thiện phiên bản phần mềm T24 đang sử dụng nhằm giảm bớt các phần mềm hỗ trợ tối đa trong công tác quản trị ngân hàng, dễ dàng trong việc truy xuất, xử lý dữ liệu, thông kê báo cáo, tiết kiệm tối đa thời gian và nguồn nhân lực... Từ đó giải quyết hiệu quả các khó khăn đang tồn tại về nguồn nhân lực, xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, tài sản bảo đảm...

Hơn nữa, chi nhánh cần chú ý nâng cấp phần mềm thẩm định dự án tín dụng sao cho những phức tạp cho cán bộ thẩm khi định dự án được tối thiểu nhất. Đồng thời áp dụng và khai thác triệt để phần mềm “Hệ thống quản lý hồ sơ tín dụng” để quản lý hồ sơ tín dụng, phục vụ công tác quản lý, giúp giảm tối đa rủi ro và linh hoạt thay đổi khi có những thay đổi về cơ chế, chính sách.

❖ Tăng cường hoạt động của hệ thống thông tin ứng dụng

Hoạt động tín dụng của NHTM là hoạt động cho vay với lòng tin khách hàng sẽ hoàn trả theo đúng thời hạn trong thoả thuận. Muốn đảm bảo được an toàn về quyết định cho vay và giám sát sau khi vay chi nhánh cần phải nắm rõ đầy đủ thông tin của khách hàng về:

Hồ sơ pháp lý bao gồm: tên của khách hàng, địa chỉ, quyết định thành lập công ty, giấy phép kinh doanh, thông tin về người đứng đầu như họ tên và trình độ, nghề nghiệp, cùng với sản phẩm chủ yếu mà họ kinh doanh.

Tình hình tài chính sẽ cho biết: số vốn hiện có, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo về dòng tiền. Nhờ đó, chi nhánh có thể đánh giá khả năng tài chính cũng như tiềm năng phát triển của khách hàng.

Tình hình quan hệ tín dụng cho thấy: các khoản vay mà khách hàng đã nhận từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng khác, thời gian trả nợ của từng khoản vay và lịch sử tín dụng của họ với các tổ chức đã cho vay.

Cần phải thu thập đầy đủ thông tin liên quan đến dự án xin vay của khách hàng để đánh giá khả năng thanh toán dựa trên việc thực hiện dự án và các thông tin khác liên quan đến tính khả thi của nó..

Thông tin về tài sản bảo đảm bao gồm: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản, giá trị ước tính của tài sản và khả năng chuyển nhượng tài sản đó.,.

3.2.4. Mở rộng quan hệ và giám sát khách hàng

Ngân hàng cần có chính sách thu hút lôi kéo khách hàng, giới thiệu và tư vấn rõ ràng các chính sách mới có trong sản phẩm mà khách hàng có nhu cầu tham gia. Chính sách đãi ngộ, lãi suất phù hợp với cơ chế thị trường. Khi xét duyệt một dự án kinh doanh khả quan và khả năng tài chính mạnh có thể tăng giới hạn cấp tín dụng đòi hỏi cán bộ tín dụng phải nhạy bén và trình độ chuyên môn cao, biết nhìn xa trông rộng và khả năng phán xét đúng đắn. Bên cạnh đó, cần đầu tư nghiên cứu thị trường, từ đó đưa ra những sản phẩm mới vừa đáp ứng phù hợp với nhu cầu của khách hàng, vừa góp phần cạnh tranh lành mạnh với các ngân hàng khác.

3.2.5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng

Nâng cao năng lực tài chính bằng việc tăng nguồn vốn điều lệ, xử lý dứt điểm nợ xấu còn tồn tại, gia tăng có chọn lọc các khoản tín dụng đảm bảo tăng trưởng bền vững nhằm ổn định tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, phòng chống rủi ro.

Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ từ việc khai thác công nghệ hiệu quả đặc biệt tạo ra nhiều sản phẩm công nghệ cao nhằm nâng cao về sản phẩm, dịch vụ, tạo nên danh mục sản phẩm phong phú và tăng cường công tác bán chéo đến khách hàng, hạn chế rủi ro.

Chú trọng hoạt động marketing hướng đến các đối tượng khách hàng mục tiêu, sản phẩm đặc thù nhằm tiếp tục mở rộng thị phần, thu hút nhiều khách hàng có tiềm năng tài chính tốt.

Tiếp tục cải thiện thủ tục hành chính và thủ tục vay vốn nhằm tạo điều kiện tối ưu cho khách hàng, nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ về mọi mặt như sản phẩm, đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, gia tăng vị thế của ngân hàng trên thị trường.

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị với nhà nước

Để hạn chế rủi ro tín dụng và tạo một môi trường lành mạnh cho hệ thống NHTM nói chung cũng như MBBank – Chi Nhánh Tây Sài Gòn nói riêng. Nhà nước cần có chính sách hợp lý, chặt chẽ và phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế. Tạo lập khuôn khổ pháp lý, áp dụng các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong lĩnh vực ngân hàng. Cụ thể là:

Phân tích cũng như nắm bắt kịp thời các xu hướng phát triển của thế giới để có thể nhanh chóng chỉ thị, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trong nước kịp thời ứng phó tránh gây ra thiệt hại lớn.

Nâng cao tầm quan trọng của việc phổ biến và áp dụng theo chuẩn mực quốc tế phù hợp với xu hướng hội nhập toàn cầu đối với các NHTM.

Hoàn thiện quy trình xử lý tài sản đảm bảo, tiết kiệm thời gian giải quyết hồ sơ để các ngân hàng nhanh chóng thu hồi nợ. Đây là một trong những nội dung rất cần thiết để giúp các NHTM có thể giải quyết tình trạng nợ xấu để từng bước áp dụng theo các yêu cầu của Hiệp ước Basel II về an toàn vốn tối thiểu, tăng khả năng quản trị rủi ro tín dụng.

Nhà nước cần phải có chính sách thông tin minh bạch và có cơ sở chắc chắn, đáng tin cậy đối với cả NHTM và các doanh nghiệp. Điều này bắt buộc phải công khai các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tài chính và quan trọng hơn hết là các chỉ số liên quan đến nợ xấu, nợ quá hạn một cách chính xác thông qua các Công ty Kiểm toán đáng tin cậy để có thể nắm bắt kịp thời khả năng tài chính của NHTM và doanh nghiệp nhằm có hướng xử lý kịp thời.

Tăng cường đầu tư công nghệ hiện đại phục vụ cho việc tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin. Bên cạnh đó, tăng cường sự hợp tác, sử dụng thông tin CIC từ NHNN: NHNN cần có biện pháp khuyến khích các ngân hàng hợp tác, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác kịp thời cho trung tâm CIC. Tuy nhiên, phía trung tâm cũng không ngừng nâng cao chất lượng và độ tin cậy của thông tin do trung tâm cung cấp. Ngoài ra, cũng cần có những quy định rõ ràng về việc cung cấp và sử dụng thông tin, người cung cấp thông tin sai lệch sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và có

quy định khen thưởng đối với các tổ chức tín dụng chấp hành tốt các quy định trong hoạt động thông tin tín dụng.

Cần hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy thanh tra Ngân hàng theo cấu trúc từ Trung ương đến địa phương, đảm bảo có sự độc lập nhất định trong quản lý và thực hiện nhiệm vụ trong cơ cấu của Ngân hàng Nhà nước. Đồng thời, cần áp dụng các nguyên tắc cơ bản về giám sát hiệu quả hoạt động ngân hàng theo quy định của ủy ban Basel, đồng thời tuân thủ các quy tắc thận trọng trong công tác thanh tra.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống báo cáo đồng bộ để giảm thiểu rủi ro và nâng cao chất lượng thông tin.

Nâng cao tiêu chí trong hệ thống cấp giấy phép và đòi hỏi kỹ thuật đối với các TCTD dựa trên những tiêu chuẩn về độ vững chắc tài chính và các chỉ số an toàn trong hoạt động của các TCTD.

Các thành viên trong Hiệp hội Ngân hàng không ngừng nâng cao tinh thần đoàn kết, chung tay hỗ trợ nhau vì mục tiêu phát triển bền vững, tránh những cạnh tranh không lành mạnh gây ảnh hưởng tới uy tín và lợi ích của ngành Ngân hàng.

3.3.2. Kiến nghị với NHNN

❖ *Nâng cao chất lượng trong công tác quản lý và điều hành*

Tăng cường vai trò trong việc hướng dẫn quản lý và tư vấn cho các ngân hàng thương mại thông qua việc liên tục thu thập và phân tích thông tin thị trường. Cần đưa ra những đánh giá và dự báo hợp lý, có cơ sở khoa học, đặc biệt liên quan đến hoạt động tín dụng, nhằm cung cấp cho các ngân hàng thương mại thông tin hữu ích để định hướng cho chính sách tín dụng của họ, đảm bảo phát triển bền vững và giảm thiểu rủi ro.

Ngân hàng Nhà nước cần cải thiện quy trình cho vay để bảo vệ an toàn trong hoạt động tín dụng và quyền lợi hợp pháp của các ngân hàng thương mại. Cần xác định rõ trách nhiệm của các ngân hàng trong việc tuân thủ quy định về cho vay và đảm bảo vốn vay, đồng thời đơn giản hóa các thủ tục pháp lý phức tạp để hỗ trợ tốt hơn cho các ngân hàng thương mại.

Ngân hàng Nhà nước cũng nên phối hợp chặt chẽ với các bộ ngành liên quan trong việc xử lý nợ xấu, tập trung vào việc giải quyết khó khăn trong quy trình phát

mại tài sản. Cần có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục cũng như trách nhiệm của các tổ chức tín dụng, cơ quan công an, chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên Môi trường, làm cơ sở pháp lý cho việc ban hành thông tư liên ngành, nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình thi hành án.

❖ *Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngân hàng*

Để công tác thanh tra, giám sát đạt hiệu quả, trước hết phải xây dựng và hoàn thiện văn bản pháp luật về thanh tra, giám sát mà cụ thể trong các lĩnh vực: Ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát NHNN yêu cầu đặt ra là NHNN cần phải thay đổi mô hình theo tiêu chuẩn quốc tế, phải đổi mới toàn diện hệ thống giám sát, toàn diện về tổ chức và phương thức thực hiện, để hoạt động giám sát thực sự là cơ quan cảnh báo an toàn cho hệ thống ngân hàng.

Cần xây dựng hệ thống CNTT hỗ trợ cho các hoạt động thanh tra, giám sát xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương để hoạt động thanh tra, giám sát kịp thời, nhanh chóng, tăng cường hiệu quả phòng ngừa rủi ro hệ thống nói chung và rủi ro tín dụng nói riêng.

3.3.3. Kiến nghị với MBBank

Để tối ưu hoá về lợi nhuận cũng như tối thiểu mức rủi ro mà ngân hàng phải gánh chịu. MBBank cần xây dựng cũng như thực hiện chính sách cho vay hợp lý nhất. Cụ thể về một số chính sách cho vay như sau:

Về chính sách lãi suất: Trong bối cảnh cạnh tranh ngày nay, các ngân hàng thương mại sẽ thiết lập chính sách lãi suất dựa trên độ tin cậy của khách hàng, khả năng thực hiện khoản vay và mức độ an toàn của khoản vay đó. Chính vì vậy, cần có chính sách lãi suất ưu đãi hoặc linh hoạt cho những khách hàng có lịch sử trả nợ tốt, có hoạt động kinh doanh hiệu quả, thực hiện dự án khả thi với tài sản đảm bảo phù hợp. Các ngân hàng vẫn sẵn sàng cho vay những khoản có rủi ro cao (như thiếu tài sản đảm bảo) nhưng với lãi suất cao hơn để tăng lợi nhuận, tuy nhiên, cần giới hạn tỷ lệ này nhằm tránh rủi ro quá lớn.

Về chính sách khách hàng: Xây dựng chính sách khách hàng là rất quan trọng, đặc biệt trong thời điểm cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng như hiện nay. Điều này giúp giữ chân khách hàng hiện tại và thu hút thêm khách hàng mới với nhiều loại hình khác nhau từ cá nhân đến tổ chức, nhằm mở rộng thị phần và phân tán rủi ro.

Về chính sách sản phẩm tín dụng: Đa dạng hóa sản phẩm tín dụng không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng mà còn giúp mở rộng đối tượng khách hàng và lĩnh vực đầu tư. Việc này cũng góp phần giảm thiểu rủi ro tín dụng nếu các sản phẩm được thiết kế một cách bài bản.

Về chính sách tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo đóng vai trò là nguồn thu hồi vốn khi có rủi ro xảy ra, do đó cần quy định rõ ràng về việc định giá tài sản. Việc xác định giá trị tài sản phải khách quan, có khả năng chuyển nhượng và đảm bảo đủ điều kiện pháp lý. Ngân hàng nên thường xuyên theo dõi tình trạng tài sản đảm bảo, cập nhật thông tin và định giá lại khi cần thiết. Đồng thời, nên thu thập thông tin từ thị trường và các trung tâm đầu giá để phục vụ cho việc định giá. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng nên phối hợp với các cơ quan khác trong việc xử lý tài sản đảm bảo và xem xét các biện pháp bảo hiểm cho tài sản thế chấp..

Kết luận chương 3

Trong chương 3, tác giả cho thấy việc kinh doanh ngân hàng là lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ rủi ro lớn do chịu sự ảnh hưởng từ những biến đổi của nền kinh tế. Hiện nay, rủi ro tín dụng đã và đang được phần lớn ngân hàng đặc biệt chú trọng bởi nó góp phần quyết định sự thành công của một ngân hàng. Hoạt động tín dụng an toàn sẽ đưa ngân hàng lên một vị trí, tầm cao mới và ngược lại nếu không quản lý chặt chẽ tín dụng sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường.

Rủi ro tín dụng luôn đi kèm với hoạt động cho vay. Hệ quả của nó thường rất nghiêm trọng, không chỉ làm giảm thu nhập, gây thiệt hại vốn vay, mà còn ảnh hưởng đến uy tín và vị thế của ngân hàng. Hơn nữa, rủi ro tín dụng còn có thể tác động dây chuyền đến sự sống còn của hệ thống ngân hàng và sự phát triển của nền kinh tế nói chung. Trong bối cảnh nền kinh tế gặp khó khăn và cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, chất lượng tín dụng tại Việt Nam đang có dấu hiệu suy giảm đáng kể. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng tín dụng thông qua cải thiện quản lý rủi ro tín dụng là nhiệm vụ

quan trọng nhất mà Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Sài Gòn cần tập trung vào trong thời gian tới.

Ở chương 3 này em đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện nâng cao quản trị rủi ro tín dụng, chú trọng xử lý những hạn chế còn tồn tại, tăng cường khả năng phòng ngừa rủi ro tại Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Tây Sài Gòn. Đồng thời cũng kiến nghị với Nhà nước, NHNN tạo điều kiện cho các ngân hàng quản trị tốt rủi ro, phát triển hệ thống tài chính vững mạnh.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều chuyên biến phức tạp, hoạt động ngân hàng luôn hàm chứa nhiều rủi ro: rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất,...Trong đó ảnh hưởng sâu sắc đến kết quả hoạt động của ngân hàng là rủi ro tín dụng, bởi đây là lĩnh vực hoạt động chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất của ngân hàng.

Công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro tín dụng là nhiệm vụ hàng đầu và lâu dài của NHTM, việc nâng cao hiệu quả và chất lượng trong hoạt động tín dụng nhằm hạn chế rủi ro xuống mức thấp nhất là bài toán khó đối với các nhà quản trị ngân hàng. Trong phạm vi được giới hạn, bài báo cáo đã hệ thống lại một cách tổng quan nhất các vấn đề về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng. Dựa trên những lý luận ấy, bên cạnh đó còn dựa vào tình hình thực tiễn của MBBank - Chi nhánh Tây Sài Gòn để từ đó phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng, thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng và nêu lên những mặt hạn chế còn tồn tại trong công tác quản trị rủi ro tín dụng. Đồng thời, đề ra những giải pháp để hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng được phù hợp với điều kiện cũng như khả năng của MBBANK Tây Sài Gòn.

Bởi kinh nghiệm và trình độ còn hạn chế, công tác quản trị rủi ro tín dụng của NHTM ngày càng phát triển đa dạng, phức tạp, nên bài nghiên cứu không thể tránh khỏi những hạn chế, sai sót. Do đó, rất mong sự cảm thông và những ý kiến đóng góp quý báu của quý thầy cô để bài báo cáo tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn giảng viên hướng dẫn cô Trần Phạm Hữu Châu đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ và định hướng cho em trong suốt quá trình thực hiện báo cáo. Bởi kinh nghiệm và trình độ còn hạn chế, công tác quản trị rủi ro tín dụng của NHTM ngày càng phát triển đa dạng, phức tạp, nên bài nghiên cứu không

thể tránh khỏi những hạn chế, sai sót. Do đó, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của quý Thầy Cô để bài báo cáo tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Nguyễn Minh Kiều (2007), *Tín dụng và thẩm định tín dụng Ngân hàng*, NXB Tài Chính, Hà Nội
2. TS. Nguyễn Minh Kiều (2009), *Quản trị rủi ro tài chính*, NXB Thống Kê, Hà Nội
3. GS.TS Nguyễn Văn Tiến (2009), *NHTM*, NXB Thống Kê, Hà Nội
4. GS.TS Nguyễn Văn Tiến (2001), *Quản trị NHTM*, NXB Thống Kê, Hà Nội
5. Một số tài liệu trên trang web:

<https://vietstock.vn>

<https://www.academia.edu>

<https://www.slideshare.net//>